

PHỤ LỤC 1

Ế HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỐ TRÍ CHO CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2021-2025 (ĐỢT 01)

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 68 /NQ-HĐND ngày 23 / 9 /2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

tt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.093.899</b>	<b>335.374</b>	<b>758.525</b>	
<b>I</b>	<b>HUYỆN VAN NINH</b>		<b>10.870</b>	<b>5.939</b>	<b>4.931</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Xuân Sơn</b>		<b>10.870</b>	<b>5.939</b>	<b>4.931</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>1.300</b>		<b>1.300</b>	
<b>1</b>	Quy hoạch chung xây dựng xã	2023	500		500	
<b>2</b>	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư	2023	800		800	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>6.470</b>	<b>4.529</b>	<b>1.941</b>	
	<i>Đường giao thông thôn, liên thôn</i>		<i>1.170</i>	<i>819</i>	<i>351</i>	
<b>1</b>	Sửa chữa đường liên thôn Xuân Thọ, Xuân Cam	2023	1.170	819	351	
	<i>Đường trục chính nội đồng</i>		<i>5.300</i>	<i>3.710</i>	<i>1.590</i>	
<b>1</b>	Sửa chữa đường nội đồng Tổ 4 Xuân Thọ	2024	1.200	840	360	
<b>2</b>	Đường nội đồng từ nhà ông Bắc đến chùa Hải Sơn	2024	1.000	700	300	
<b>3</b>	Đường nội đồng cây Đa Xuân Thọ	2024	1.000	700	300	
<b>4</b>	Đường nội đồng đồng trên Xuân Cam	2025	900	630	270	
<b>5</b>	Đường nội đồng từ nhà bà Hoàng Thị Ngọc Sang đến nhà ông Đỗ Đình Tuấn thôn Xuân Thọ	2025	1.200	840	360	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>1.200</b>	<b>840</b>	<b>360</b>	
<b>1</b>	Kênh Me Quý - Cống Bàn (kênh đất)	2023	1.200	840	360	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.900</b>	<b>570</b>	<b>1.330</b>	
<b>1</b>	Trung tâm văn hóa thể thao xã và Công viên	2023	1.900	570	1.330	
<b>II</b>	<b>THỊ XÃ NINH HÒA</b>		<b>319.787</b>	<b>158.091</b>	<b>161.696</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Ninh Bình</b>		<b>11.410</b>	<b>600</b>	<b>10.810</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>700</b>		<b>700</b>	
<b>1</b>	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	400		400	
<b>2</b>	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023	300		300	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
<b>1</b>	Đường trục xóm từ nhà ông Huỳnh Phước đến nhà bà Non	2023	600		600	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>6.500</b>	<b>600</b>	<b>5.900</b>	
<b>1</b>	Trung tâm văn hóa - thể thao xã (Hạng mục: Xây dựng nhà làm việc và nhà vệ sinh Sân vận động)	2023	1.000	300	700	
<b>2</b>	Xây dựng hàng rào và nâng cấp Công viên xã Ninh Bình	2023	1.000	300	700	
<b>1</b>	Xây dựng khu thể thao thôn Bình Trị xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	
<b>2</b>	Xây dựng khu thể thao thôn Bình Thành xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	
<b>3</b>	Xây dựng khu thể thao thôn Tuấn Thừa xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	
<b>4</b>	Xây dựng khu thể thao thôn Phước Lý xã Ninh Bình	2023	800		800	
<b>5</b>	Xây dựng khu thể thao thôn An Bình xã Ninh Bình	2023	700		700	
<b>d</b>	<b>Nghĩa trang xã</b>		<b>3.610</b>		<b>3.610</b>	
<b>1</b>	Nghĩa trang xã Ninh Bình (tường bao, đường nội bộ)	2023	3.610		3.610	

C

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
<b>2</b>	<b>Xã Ninh Đông</b>		<b>15.800</b>	<b>6.856</b>	<b>8.944</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>520</b>		<b>520</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>8.174</b>	<b>2.450</b>	<b>5.724</b>	
1	Đường thôn Phước Thuận: Ngã 3 đi Chùa Thiên Ân - ngã 3 ông Thế. Hạng mục: Nâng cấp sửa chữa đường BTXM đoạn từ nhà ông Thường đến nhà ông Hùng Tuất	2022	1.150	805	345	
1	Đường BTXM liên xóm thôn Phú Nghĩa: đoạn 1 từ nhà ông Võ Dũng đến nhà ông Nguyễn Cử, đoạn 2 từ Nhà ông Nguyễn Ngọc Hùng đến nhà ông Trần Minh Quang	2022	342		342	
2	Đường BTXM thôn Phước Thuận đoạn 1 từ đường liên xã đến nhà ông Hồ Nhất; đoạn 2 từ đường liên xã đến nhà ông Cao Minh Văn; đoạn 3 từ đường liên xã đến nhà ông Huỳnh Đay, đoạn 4 từ đường liên xã đến nhà ông Lê Kim Võ	2022	1.150		1.150	
3	Đường BTXM liên xóm thôn Văn Định: đoạn 1 từ nhà ông Nguyễn Thành Long đến nhà ông Châu Ba, đoạn 2 từ tuyến đường gom đường sắt đến nhà bà Lăng	2022	800		800	
4	Đường BTXM liên xóm thôn Quang Đông: đoạn 1 từ nhà ông Huỳnh Văn Trần đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa, đoạn 2 từ nhà bà Phan Thị Giác đến nhà ông Nguyễn Hữu Hải, đoạn 3 từ đường liên xóm đến nhà Võ Văn Nghị; đoạn 4 từ nhà ông Nguyễn Khương đến nhà ông Nguyễn Nhâm, đoạn 5 từ nhà ông Diệp Năng Sơn đến nhà ông Võ Nghiệp	2022	1.250		1.250	
5	Đường BTXM thôn Quang Đông, đoạn 1 từ nhà ông Kỳ - nhà ông Biện, đoạn 2 từ nhà ông Sê - nhà bà Xang	2022	1.132		1.132	
1	Đường nội đồng thôn Phước Thuận từ kênh N47 đến gò Phận	2022	1.150	805	345	
2	Đường nội đồng thôn Nội Mỹ từ kênh N4 đến nhà ông Ngự	2022	1.200	840	360	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>4.906</b>	<b>3.434</b>	<b>1.472</b>	
1	Kiến cố hóa kênh mương Gắn hạ (581m)	2023	1.162	813	349	
2	Kiến cố hóa kênh mương Nhà Trường(572m)	2023	1.144	801	343	
3	Kiến cố hóa kênh mương rút rộc Văn Định đoạn từ nhà bà Đức đến Cầu Đồn	2024	1.300	910	390	
4	Kiến cố hóa kênh mương bùn Nội Mỹ	2025	1.300	910	390	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.000</b>	<b>300</b>	<b>700</b>	
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2022	300	90	210	
2	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Hồ bơi)	2023	700	210	490	
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ theo QĐ 1804</b>		<b>1.200</b>	<b>672</b>	<b>528</b>	
1	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng HTX sản xuất rau an toàn Ninh Đông. Hạng mục xưởng sơ chế biến + Nhà kho	2023	1.200	672	528	
<b>3</b>	<b>Xã Ninh Hưng</b>		<b>15.530</b>	<b>10.261</b>	<b>5.269</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>300</b>		<b>300</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	300		300	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>12.000</b>	<b>8.400</b>	<b>3.600</b>	
1	Nâng cấp đường trung tâm xã từ UBND xã đến Chợ xã	2023	1.200	840	360	
1	Đường thôn Trường Lộc khu quy hoạch Gò Xoài	2023	950	665	285	
2	Đường thôn Phú Đa từ nhà ông Thảo đến đường liên thôn	2023	1.200	840	360	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
3	Đường thôn Phụng Càng từ nhà bà Nghệ đến nhà bà Hương	2023	750	525	225	
4	Đường thôn Trường Lạc từ khu quy hoạch ông Mầu đến Chợ xã	2023	1.000	700	300	
5	Đường liên thôn Tân Hưng - Gò Sần đoạn từ nhà ông Quý đến nhà ông Nhàu	2023	1.200	840	360	
6	Nâng cấp đường thôn Trường Lạc đoạn từ nhà bà Giảng đến nhà ông Vỹ	2023	1.200	840	360	
7	Nâng cấp đường thôn Gò Sần đoạn Tỉnh lộ 3 cũ	2023	1.200	840	360	
1	Đường nội đồng khu sản xuất Trảng Cầm đoạn từ trại ông Chơn đến trại ông Phó	2023	2.200	1.540	660	
8	Nâng cấp đường Kênh thôn Phú Đa - Phụng Càng	2023	1.100	770	330	
c	Thuyết lợi và phòng chống thiên tai		2.230	1.561	669	
1	Kiến cố hóa kênh mương Cây Thị Phú Đa	2023	1.100	770	330	
2	Kiến cố hóa kênh mương Cầu thôn Phụng Càng	2023	830	581	249	
3	Kiến cố hóa kênh mương Núi thôn Phước Mỹ	2023	300	210	90	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		1.000	300	700	
1	Trung tâm Văn hóa - thể thao xã (Hạng mục: Sân khấu, điện chiếu sáng, công phụ)	2023	1.000	300	700	
4	Xã Ninh Lạc		28.720	16.460	12.260	
a	Quy hoạch		520		520	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
8	Giáo dục		23.900	15.050	8.850	
1	Đường BTXM thôn Tân Đáo, đoạn từ Miếu Đá Đen đến Cầu Mỏ giai đoạn 3	2023	2.000	1.400	600	
2	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Chừ đến nhà ông Long	2023	2.000	1.400	600	
3	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ Cầu Cây Thị đến nhà ông Tu	2023	3.000	2.100	900	
4	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà bà Yến đến nhà ông Xi	2023	4.000	2.800	1.200	
1	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Dậm thôn Ngọc Diêm	2023	500		500	
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Mầu đến nhà ông Dầy thôn Ngọc Diêm	2023	300		300	
3	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hòa đến nhà ông Chó thôn Ngọc Diêm	2023	300		300	
4	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Dũng đến nhà ông Bình thôn Vạn Thuận	2024	300		300	
5	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Ghê đến nhà ông Chín thôn Tân Phú	2024	300		300	
6	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Tấn đến nhà ông Sáng thôn Tân Phú	2024	300		300	
7	Đường BTXM thôn Vạn Thuận, đoạn từ nhà ông Hùng đến nhà ông Thiên	2024	300		300	
3	Mở rộng, nâng cấp đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Sửu đến nhà ông Xưa	2023	2.300	1.750	750	
4	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Xưa đến nhà ông Chừ	2023	2.000	1.400	600	
1	BTXM đường nội đồng từ nhà ông Hải đến Khatoco	2024	2.000	1.400	600	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
2	BTXM đường nội đồng từ nhà bà May đến ruộng Máng	2025	4.000	2.800	1.200	
c	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		1.800	1.260	540	
1	Kiên cố hóa kênh mương Láng Nhót giai đoạn 2	2024	800	560	240	
2	Kiên cố hóa kênh mương ruộng ông thận, bà huồn	2024	500	350	150	
3	Kiên cố hóa kênh mương ruộng ông thận, giáp hương lộ	2024	500	350	150	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		2.100		2.100	
1	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vạn Thuận	2023	300		300	
2	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Ngọc	2023	300		300	
3	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Phú	2024	300		300	
4	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Phú Hữu	2024	300		300	
5	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Đào	2024	300		300	
6	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Ngọc Diêm	2024	300		300	
7	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Thành	2024	300		300	
đ	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		500	150	350	
1	Công trình nền sân bê tông chợ Phú Hữu	2023	500	150	350	
5	Xã Ninh Lộc		30.223	10.720	19.503	
a	Quy hoạch		200		200	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	200		200	
b	Giao thông		12.533	4.287	8.246	
1	Đường liên thôn nhà ông Phê đến nhà bà Văn Thôn Ninh Đức	2021	1.224	857	367	
1	Đường ngõ xóm từ nhà ông Huệ đến nhà bà Phích thôn Phong Thạnh	2021	381		381	
2	Đường ngõ xóm từ nhà ông Chút đến nhà ông Toán thôn Tam Ích	2021	613		613	
3	Đường ngõ xóm từ nhà ông Thành đến nhà ông Vinh thôn Vạn Khê	2021	754		754	
4	Đường ngõ xóm từ nhà ông Thắng đến nhà ông Rồi thôn Mỹ Lợi	2021	464		464	
5	Đường ngõ xóm từ nhà ông An đến nhà bà Bao thôn Mỹ Lợi	2021	382		382	
6	Đường ngõ xóm từ nhà ông Đa đến nhà ông Kha thôn Mỹ Lợi	2021	351		351	
7	Đường ngõ xóm từ nhà sinh hoạt cộng đồng đến giáp đường Trung tâm hành chính xã	2021	729		729	
8	Đường ngõ xóm từ nhà ông Đài đến nhà bà Thảo thôn Phong Thạnh	2021	1.076		1.076	
9	Đường ngõ xóm từ nhà ông Bình đến nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Thủy	2021	297		297	
10	Đường ngõ xóm từ nhà ông Đắc đến nhà ông Dũ thôn Mỹ Lợi	2021	417		417	
11	Đường ngõ xóm từ nhà ông Tịnh đến nhà ông Phương thôn Tam Ích	2021	229		229	
12	Đường ngõ xóm từ nhà bà Luyện đến nhà ông Nho thôn Mỹ Lợi	2021	316		316	



Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Đường nội đồng giáp đường Hòn Một đến núi Hòn Một thôn Mỹ Lợi	2021	1.139	797	342	
2	Đường nội đồng giáp gò Đình đến núi Thơm	2021	1.149	804	345	
3	Đường nội đồng giáp đường núi Hòn Một đến núi Thơm đoạn 1	2021	1.322	925	397	
13	Đường ngõ xóm từ cầu Hàm Voi đến giáp đường bê tông xi măng thôn Vạn Khê	2023	400		400	
4	Đường nội đồng từ nhà ông Khiển đến Gò Giữa thôn Phong Thạnh	2023	1.291	904	387	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>6.054</b>	<b>4.238</b>	<b>1.816</b>	
1	Kiến cố hóa kênh mương Giữa	2021	1.051	736	315	
2	Kiến cố hóa kênh mương ông Thang thôn Phong Thạnh	2023	1.264	885	379	
3	Kiến cố hóa kênh mương Trầu	2023	1.239	867	372	
4	Kiến cố hóa kênh mương Bọng đoạn cuối	2024	1.400	980	420	
5	Kiến cố hóa kênh mương Trảng Thờ	2025	1.100	770	330	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>8.886</b>	<b>1.235</b>	<b>7.651</b>	
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã	2021	3.216	965	2.251	
1	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Mỹ Lợi	2021	1.192		1.192	
2	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vạn Khê	2021	1.192		1.192	
3	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tam Ích	2021	1.195		1.195	
4	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Lệ Cam	2021	1.191		1.191	
2	Công trình sân bóng đá mini	2023	900	270	630	
<b>đ</b>	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>		<b>1.800</b>	<b>540</b>	<b>1.260</b>	
1	Chợ Ninh Lộc (Xây dựng kiot và nền chợ)	2024	1.800	540	1.260	
<b>e</b>	<b>Hạ tầng hợp tác xã</b>		<b>750</b>	<b>420</b>	<b>330</b>	
1	Xây dựng xưởng sơ chế, chế biến, mua sắm từ cấp đồng của Hợp tác xã Nông nghiệp Ninh Lộc	2023	750	420	330	
6	Xã Ninh Phú		20.350	7.305	13.045	
<b>g</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>2.200</b>		<b>2.200</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022	200		200	
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư	2022	2.000		2.000	
<b>h</b>	<b>Giao thông</b>		<b>8.000</b>	<b>4.900</b>	<b>3.100</b>	
1	Xây dựng hệ thống thoát nước đường liên xã: Đoạn từ Cầu Hội Phú đến Cầu Biện Dẹp	2022	2.000	1.400	600	
1	Đường giao thông nông thôn thôn Văn Định Bằng Phước: Đoạn từ giáp đường BTXM liên thôn đến nhà ông Hiệp	2022	1.000	700	300	
2	Đường BTXM thôn Hội Phú Bắc 2: Đoạn nhà ông Thước; Đoạn nhà ông Thống; Đoạn nhà bà Kim anh	2022	1.000	700	300	
1	Đường BTXM thôn Lệ Cam: Đoạn từ Nhà ông Tường đến nhà ông Võ Ân	2022	1.000		1.000	
1	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Diên: Đoạn từ nhà ông Lật đến nhà ông Lựt	2022	1.000	700	300	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
2	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Phú Bắc 1: Đoạn từ nhà bà Xệ đến ruộng ông Thanh	2022	1.000	700	300	
3	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Phú Bắc 1: Đoạn từ nhà ông Mỹ đến nhà ông phương, đoạn giáp Ninh Đa	2022	1.000	700	300	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>7.600</b>	<b>900</b>	<b>6.700</b>	
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	2022	3.000	900	2.100	
1	Xây dựng Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tiên Du 1	2022	2.000		2.000	
2	Nâng nền, xây dựng cổng, tường rào, nhà văn hóa, khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 1	2022	1.300		1.300	
3	Nâng nền, xây dựng cổng, tường rào, nhà văn hóa, khu thể thao thôn Lệ Cam	2022	1.300		1.300	
<b>d</b>	<b>Hạ tầng thông tin và truyền thông</b>		<b>550</b>	<b>385</b>	<b>165</b>	
1	Đầu tư thiết lập mới hệ thống đài truyền thanh xã	2022	550	385	165	
<b>d</b>	<b>Hạ tầng hợp tác xã</b>		<b>2.000</b>	<b>1.120</b>	<b>880</b>	
1	Xây dựng xưởng sơ chế, hệ thống cấp thoát nước Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Ninh Phú	2023	2.000	1.120	880	
7	Xã Ninh Phụng		12.502	1.340	11.162	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>1.700</b>		<b>1.700</b>	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2023	500		500	
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023	1.200		1.200	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>6.952</b>	<b>1.190</b>	<b>5.762</b>	
1	Đường liên thôn Vĩnh Phước - Phú Bình	2023	1.700	1.190	510	
1	Đường giao thông thôn Đại Cát 2. Hạng mục: Đường từ đại học Nha Trang đến nhà ông Yên	2023	1.000		1.000	
2	Đường giao thông thôn Đại Cát 2. Hạng mục: Đường từ QL26 đến Đại học Nha Trang	2023	1.362		1.362	
3	Đường ngõ, xóm thôn Xuân Hòa 2; Hạng mục: Nhánh 1: Từ nhà ông Hưng - nhà ông Hương; Nhánh 2: Từ nhà ông Tĩnh - nhà bà Thảo	2023	990		990	
4	Đường ngõ, xóm thôn Xuân Hòa 2; Hạng mục: Nhánh 1: Đoạn từ QL26 đến nhà ông Lê Lòng; Nhánh 2: Từ QL 26 đến trạm điện.	2023	1.000		1.000	
5	Đường ngõ, xóm thôn Phú Bình; Hạng mục: Nhánh 1: từ nhà ông Lành - nhà Xuân Anh; Nhánh 2: từ đường ĐH8 - nhà ông Minh; Nhánh 3: từ đường ĐH8 - nhà ông Thông	2023	900		900	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>3.850</b>	<b>150</b>	<b>3.700</b>	
1	Tung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2023	500	150	350	
1	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Diêm Tĩnh	2023	1.150		1.150	
2	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Vĩnh Phước	2023	1.050		1.050	
3	Nhà văn hóa thôn Nghi Phụng	2023	1.150		1.150	
8	Xã Ninh Quang		15.000	10.220	4.780	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>400</b>		<b>400</b>	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2023	200		200	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2023	200		200	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>3.400</b>	<b>2.380</b>	<b>1.020</b>	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Đường nội đồng từ Hội trường thôn Thuận Mỹ đến nhà ông Hồ Chính thôn Phước Lộc	2023	750	525	225	
2	Đường nội đồng từ Cầu Đáo đến giáp đường nội đồng Cầu Từ thôn Phú Hòa	2023	800	560	240	
3	Đường nội đồng từ nhà ông Hoàng thôn Phú Hòa đến trung Tre	2023	500	350	150	
4	Đường cấp phối từ nhà ông Ngân thôn Quang Vinh đến nhà bà Nhung thôn Thanh Mỹ	2024	750	525	225	
5	Đường nội đồng Trại Cày Đội 5 thôn Phú Hòa	2024	600	420	180	
c	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		11.200	7.840	3.360	
1	Kênh mương BTXM từ N12A đến nhà ông Lộc thôn Tân Quang	2023	1.300	910	390	
2	Kênh mương BTXM từ đất ông Phách đến nhà ông Đạt thôn Tân Quang	2023	1.000	700	300	
3	Kênh mương BTXM từ đường nội đồng Đội 3 Phú Hòa đến nhà bà Cất thôn Phú Hòa	2023	1.200	840	360	
4	Kênh mương BTXM từ gần 4 thôn đến Đình thôn Vạn Hữu	2023	1.100	770	330	
5	Kênh mương BTXM từ Miếu Phụ Đình đến đường nội đồng Đội 3 thôn Phú Hòa	2023	1.100	770	330	
6	Kênh mương BTXM từ nhà ông Đặng đến nhà ông Cạt thôn Phú Hòa	2023	1.000	700	300	
7	Kênh mương BTXM N12B nhánh 1	2023	1.200	840	360	
8	Kênh mương BTXM N12B nhánh 2	2023	1.000	700	300	
9	Kênh mương BTXM đồng Cạnh Buồm	2024	800	560	240	
10	Kênh mương BTXM đồng Cây Ké	2024	500	350	150	
11	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiễn nhánh 1	2024	500	350	150	
12	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiễn nhánh 2	2024	500	350	150	
9	Xã Ninh Sơn		4.970	2.485	1.585	
a	Quy hoạch		520		520	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
b	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		3.530	2.485	1.045	
1	Kiến cố hóa kênh mương từ Ga chia nước đến đất ông Quyền	2023	600	420	180	
2	Kiến cố hóa kênh mương từ đất ông Vào đến đất ông Song	2023	1.200	840	360	
3	Kiến cố hóa kênh mương từ đất ông Vào đến đất bà Cửu	2023	1.750	1.225	525	
10	Xã Ninh Sơn		30.620	15.310	15.310	
a	Quy hoạch		520		520	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
b	Giao thông		15.140	10.598	4.542	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 5, đoạn từ TL7 đến nhà ông Thắng	2023	1.200	840	360	
2	Đường BTXM thôn 2, đoạn từ đất ông Sơn đến Kênh Đổng	2023	1.160	812	348	
3	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 4, đoạn từ TL7 đến cầu Ba Lý	2024	3.600	2.520	1.080	
4	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Dương đến suối Ngang	2024	1.240	868	372	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 3, đoạn từ nhà bà Hải đến nhà ông Kíp	2024	1.200	840	360	

Lan

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
6	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ nhà Ông Hoa đến Kênh Đông	2024	1.190	833	357	
7	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn, đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến nhà Ông Lâm	2025	1.040	728	312	
1	Đường nội đồng thôn 2, đoạn từ đất Ông Giang đến đất bà Mười	2024	1.190	833	357	
2	Đường trục nội đồng thôn 4, đoạn từ đất Ông Toàn đến đất bà Minh	2024	900	630	270	
3	Đường trục nội đồng thôn 5, đoạn từ đất Ông Khiêm đến đất Ông Bán	2024	1.210	847	363	
8	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, đoạn từ TL7 đến mương NC2	2025	1.210	847	363	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>4.820</b>	<b>3.374</b>	<b>1.446</b>	
1	Sửa chữa, cải tạo kênh mương NB Tây thôn 5, đoạn từ đất Ông Diệp đến ruộng Ông Hòa	2024	1.240	868	372	
2	Sửa chữa, cải tạo kênh mương ND thôn 1, đoạn từ kênh Đông đến đất Ông Toàn	2024	1.180	826	354	
3	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 1, đoạn từ đất Ông Thái đến Lô 6	2024	1.210	847	363	
4	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 2, đoạn từ đất Ông Đỗ đến đất Ông Tuấn	2024	1.190	833	357	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>7.750</b>	<b>1.026</b>	<b>6.724</b>	
1	Nhà thi đấu đa năng xã Ninh Sơn	2024	3.420	1.026	2.394	
1	Cổng tường rào khu thể thao thôn 2	2024	620		620	
2	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 5	2024	1.200		1.200	
3	Cổng tường rào khu thể thao thôn 3	2024	620		620	
4	Cổng tường rào khu thể thao thôn 4	2024	680		680	
5	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 1	2024	1.210		1.210	
<b>đ</b>	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>		<b>1.190</b>	<b>357</b>	<b>833</b>	
1	Chợ Hòa Mỹ xã Ninh Sơn (Hạng mục: Nhà ban quản lý và Kiot chợ)	2024	1.190	357	833	
<b>e</b>	<b>Môi trường</b>		<b>1.200</b>		<b>1.200</b>	
1	Cải tạo, xử lý bãi rác	2024	1.200		1.200	
<b>11</b>	<b>Xã Ninh Tân</b>		<b>27.950</b>	<b>19.425</b>	<b>8.525</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>200</b>		<b>200</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	200		200	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>25.600</b>	<b>17.920</b>	<b>7.680</b>	



Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Đường nối tuyến D và Đ	2023	400	280	120	
2	Đường từ TL 5 cũ đến ruộng đồng nghĩa xanh	2023	700	490	210	
3	Đường từ ngã tư tuyến M đến tỉnh lộ 5	2023	1.000	700	300	
4	Đường BTXM tuyến 1 đất Ông Quang đến đất Ông Hiền	2023	700	490	210	
5	Trần đến quân đến đất Ông Thọ	2023	600	420	180	
6	Nâng cấp cầu tuyến 1600 phía Bắc	2023	700	490	210	
7	Đường tuyến 1800 từ nhà Ông Phú đến suối Nhon	2023	600	420	180	
8	Nâng cấp đường tuyến 2000 (Hương bắc)	2023	1.100	770	330	
9	Đường nối tuyến 2400 (Phía bắc)	2023	600	420	180	
10	Trần từ nhà Ông Hà Ngọc Chung đến suối Bộ Đồi	2023	1.000	700	300	
11	Đường BTXM từ nhà Ông Cao Ben đến Thác Bông Lạn	2023	1.000	700	300	
12	Đường từ đất ông Khuyến đến chân đồi An Giang	2024	1.100	770	330	
13	Đường từ đất Ông Hiền đến suối Hân	2024	1.000	700	300	
14	Đường từ đất Ông Khang đến ngã ba Hòn Đá	2024	1.000	700	300	
15	Đường từ tỉnh lộ 5 đến đất ông Hùng	2024	1.000	700	300	
16	Đường BTXM từ đất bà Sương đến đất nhà Ông Lựu	2024	500	350	150	
17	Đường tuyến 1400 đến mặt khu	2024	1.150	805	345	
18	Đường tuyến 2600 (từ TL5) đến đất ông Dương Văn Hùng	2024	1.000	700	300	
19	Đường từ Bà Thị Hằng đến đập suối luy	2024	1.000	700	300	
20	Đường từ đất ông Quảng đến đất Ông Phúc	2024	1.100	770	330	
21	Đường từ ngã 3 hòn đá đến tỉnh lộ 8	2024	1.000	700	300	
22	Đường từ Ba Chũ đến đất Ông Phạm Ngọc Tùng	2024	1.100	770	330	

*Con*

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
23	Đường từ đất Ông Phạm Ngọc Tùng đến tuyến 1400	2024	1.000	700	300	
24	Đường từ đất ông Hoàng đến đất ông Phong 2800	2024	1.000	700	300	
25	Đường từ đất ông Quảng đến trại Năm	2024	1.000	700	300	
26	Đường từ đất Ông Tuấn đến đất ông Phú	2024	1.150	805	345	
27	Đường BTXM nối tuyến 1400 phía nam đến đất ông Nguyễn Văn Núi	2024	1.000	700	300	
28	Đường từ TL 8 đến đất Ông Thành	2024	1.100	770	330	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>2.150</b>	<b>1.505</b>	<b>645</b>	
1	Kênh mương nghĩa xanh phía Nam	2023	1.000	700	300	
2	Kênh mương nghĩa xanh phía Bắc	2024	1.150	805	345	
<b>12</b>	<b>Xã Ninh Tây</b>		<b>9.700</b>	<b>6.405</b>	<b>3.295</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>550</b>		<b>550</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	550		550	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>8.000</b>	<b>5.600</b>	<b>2.400</b>	
1	Đường nội đồng C2 từ nhà ông Y Thuyền đến đường vận hành thủy điện Buôn Sim	2023	1.150	805	345	
2	Đường từ GTNT đoạn từ nhà ông Nguyễn Tiến Đặng đến nhà ông Nguyễn Bá Bộ	2023	1.150	805	345	
3	Đường GTNT đoạn từ rẫy ông Trần Sĩ Nghệ đến lòng hồ Suối Sim	2024	1.200	840	360	
4	Đường GTNT đoạn từ QL26 nhà ông Đặng Văn Quyền đến Suối Chình	2024	1.000	700	300	
5	Đường GTNT đoạn từ nhà bà Lý thị Thu Cúc đến nhà ông Y Dú	2024	3.500	2.450	1.050	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>1.150</b>	<b>805</b>	<b>345</b>	
1	Kênh mương vào đồng ruộng thôn Buôn Tương	2024	1.150	805	345	
<b>13</b>	<b>Xã Ninh Thân</b>		<b>18.240</b>	<b>8.238</b>	<b>10.002</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>520</b>		<b>520</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>14.520</b>	<b>7.098</b>	<b>7.422</b>	
1	Đường trục thôn Nhĩ Sự (WB2 đến nhà ông Yển)	2024	2.900	2.030	870	
2	Đường trục thôn Nhĩ Sự (WB2 đến nhà ông Tốn)	2024	720	504	216	
3	Đường liên thôn từ đường liên xã đến nhà bà Đặng Thị Hơ	2024	400	280	120	
4	Đường liên thôn đến cầu bi Ninh Trung	2024	1.200	840	360	
5	Đường liên thôn từ công ông Bương đến đình Tân Phong	2024	800	560	240	
6	Đường liên thôn từ đường WB2 đến nhà bà Lê Thị Cẩm	2024	520	364	156	
7	Đường liên thôn từ cầu chùa Mỹ Hoán đến cầu hai Trại	2024	1.200	840	360	
1	Đường trục xóm Nhĩ Sự (Đình Nhĩ Sự đến giếng làng)	2024	680		680	
2	Đường trục xóm Nhĩ Sự (đường WB2 đến nhà ông Sơn)	2024	240		240	
3	Đường trục xóm Nhĩ Sự (nhà ông Trúc đến đình Nhĩ Sự)	2024	700		700	
4	Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Huệ đến nhà bà Trây)	2024	180		180	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn bợp pháp khác	Ghi chú
5	Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Xú đến nhà ông Nhói)	2024	400		400	
6	Đường ngõ xóm Đại Tập (nhà ông Chương đến nhà ông Thịnh)	2024	400		400	
7	Đường ngõ xóm Mỹ Hoán (nhà ông Ngón đến nhà ông Út)	2024	500		500	
8	Đường ngõ xóm Mỹ Hoán (nhà ông Nhứt đến nhà ông Tài)	2024	420		420	
9	Đường ngõ xóm Nhĩ Sự (ngã ba bà Nước đến nhà Tuấn Tèo)	2024	360		360	
10	Đường ngõ xóm Tân Phong nhánh (T1 đến nhà ông bằng)	2024	500		500	
1	Đường nội đồng từ nhà bà Nguyễn Thị Thành đến nhà ông Bùi Chánh	2024	800	560	240	
2	Đường nội đồng từ nhà ông Lâu đến gò Hóc Nhứt	2024	1.200	840	360	
3	Đường nội đồng từ đường liên thôn đến nhà ông Sư	2024	400	280	120	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>1.200</b>	<b>840</b>	<b>360</b>	
1	Đoạn mương từ đường nội đồng Lò Bò đến ruộng 5%UBND xã	2024	1.200	840	360	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.000</b>	<b>300</b>	<b>700</b>	
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	2024	1.000	300	700	
<b>đ</b>	<b>Môi trường</b>		<b>1.000</b>		<b>1.000</b>	
1	Công trình bãi rác mới	2024	1.000		1.000	
<b>14</b>	<b>Xã Ninh Thượng</b>		<b>30.814</b>	<b>18.457</b>	<b>12.357</b>	
<b>e</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>250</b>		<b>250</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022	250		250	
<b>h</b>	<b>Giao thông</b>		<b>24.117</b>	<b>16.883</b>	<b>7.234</b>	
1	Đường trục thôn Tân Tứ gđ 2, tuyến nhánh ông Độ	2022	1.102	771	331	
2	Đường trục thôn từ giáp đường liên thôn đến ông Phương thôn (đường 30-4)	2022	1.158	811	347	
3	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Tây thôn 1 (tuyến 5 Đồi Đò)	2022	935	655	280	
4	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Tây thôn 1 (tuyến 4 Đồi Đò)	2022	1.250	875	375	
5	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Sim thôn 1 (tuyến 6 Hòn Tre)	2022	1.198	839	359	
6	Đường trục thôn từ giáp nhà ông Nghĩa ông Vinh và từ nhà bà tía- ông Răng	2022	1.250	875	375	
7	Đường trục thôn từ giáp đường liên xã- ông Nam và các tuyến nhánh thôn Đồng Xuân	2022	750	525	225	
8	Đường trục thôn từ giáp nhà ông Minh- Nghĩa trang thôn Tân Tứ	2022	1.124	787	337	
9	Đường Tuyến Suối Mơ GD1	2022	3.500	2.450	1.050	
10	Tuyến 12 Đồng Chùa Tân Hiệp	2022	1.050	735	315	
11	Đường từ giáp HL 6- Tân Hiệp (Hòn Tre)	2022	3.600	2.520	1.080	
1	Tuyến đường nội đồng từ đường ông Phan Thông đến farm	2022	2.200	1.540	660	

Car

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
12	Tuyến Tân Phong - Ninh Trang ( HL6)	2022	5.000	3.500	1.500	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>4.447</b>	<b>974</b>	<b>3.473</b>	
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	2022	3.247	974	2.273	
1	Công trình nâng cấp nhà văn hóa thôn Tân Lâm	2022	1.200		1.200	
<b>d</b>	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>		<b>2.000</b>	<b>600</b>	<b>1.400</b>	
1	Chợ xã Ninh Thượng	2022	2.000	600	1.400	
<b>15</b>	<b>Xã Ninh Trung</b>		<b>15.960</b>	<b>7.830</b>	<b>8.130</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>520</b>		<b>520</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>2.200</b>	<b>280</b>	<b>1.920</b>	
1	Đường trục xóm từ nhà ông Thọ - ông Lưu	2023	1.000		1.000	
1	Đường nội đồng từ nhà ông Khanh - nương đồng giữa	2023	400	280	120	
2	Đường trục xóm từ nhà ông Dự đến nhà ông Đạo (gd2)	2023	800		800	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>10.100</b>	<b>7.070</b>	<b>3.030</b>	
1	Kênh Khẩu 3 gà đến đồng chiết giang	2023	1.200	840	360	
2	Kênh đồng học sạ đến đồng Đưng (gd1)	2023	1.200	840	360	
3	Kênh bà Mười đến Đồng Đưng (gd1)	2023	1.000	700	300	
4	Kênh đất dầy thép - miếu Tân Ninh	2023	1.200	840	360	
5	Kênh từ đồng học sạ đến đồng Đưng (gd2)	2023	1.200	840	360	
6	Khẩu ông Tiễn - Ruộng đội 4	2024	400	280	120	
7	Kênh từ nhà ông Toàn đến nhà ông Huy	2024	700	490	210	
8	Kênh từ bà Mười đến đồng đưng (Gd2)	2024	1.000	700	300	
9	Kênh từ NIT đến Đồng Cũ (gd2)	2024	1.000	700	300	
10	Tuyến Mương Cái Quảng Cư (gd2)	2025	1.200	840	360	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>2.540</b>	<b>300</b>	<b>2.240</b>	
1	Trung tâm văn hóa (Sân bóng đá mi ni, Bể tập bơi)	2025	1.000	300	700	
1	Công trình Khu Thể thao thôn Phú Văn	2025	220		220	
2	Công trình Khu Thể thao thôn Thạch Định	2025	220		220	
3	Công trình Khu Thể thao thôn Vĩnh Thạnh	2025	220		220	
4	Công trình Khu Thể thao thôn Phú Sơn	2025	220		220	
5	Công trình Khu Thể thao thôn Tân Ninh	2025	220		220	
6	Công trình Khu Thể thao thôn Quảng Cư	2025	220		220	
7	Công trình Khu Thể thao thôn Mông Phú	2025	220		220	
<b>d</b>	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>		<b>600</b>	<b>180</b>	<b>420</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp chợ	2025	600	180	420	
<b>16</b>	<b>Xã Ninh Vân</b>		<b>5.015</b>	<b>2.658</b>	<b>2.357</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>520</b>		<b>520</b>	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2023	220		220	
2	Quy hoạch chung xây dựng xã	2023	300		300	

ca



Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>1.551</b>	<b>1.087</b>	<b>464</b>	
1	Đường số 24 (mở mới) đoạn từ Trạm y tế xã đến Đường số 1	2024	246	172	74	
2	Đường số 5 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối Ông Cản	2024	225	158	67	
3	Đường số 6 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối Ông Cản	2024	210	147	63	
4	Đường số 16 đoạn từ Mương thoát lũ đến Đường số 5 nối dài	2024	90	63	27	
5	Đường số 17 đoạn từ đường số 5 nối dài đến Đường số 6 nối dài	2024	150	105	45	
6	Đường số 18 đoạn từ đường số 6 nối dài đến Đường số 1	2024	195	137	58	
7	Đường số 21 đoạn từ đường số 7 đến Hòn Đẳng	2024	330	231	99	
8	Đường vào SVE xã đoạn từ đường số 1 đến Sân TT QH mới	2024	105	74	31	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>2.244</b>	<b>1.571</b>	<b>673</b>	
1	Mương thoát lũ số 2 (gần KDC QH)	2024	2.244	1.571	673	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>700</b>		<b>700</b>	
1	Nhà văn hóa thôn Đông (Hạng mục: Xây dựng mới trụ sở, đầu tư trang thiết bị)	2024	600		600	
2	Nhà văn hóa thôn Tây (Hạng mục: xây dựng tường rào, Đầu tư trang thiết bị)	2024	100		100	
<b>17</b>	<b>Xã Ninh Xuân</b>		<b>26.383</b>	<b>12.426</b>	<b>13.957</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>520</b>		<b>520</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>23.863</b>	<b>11.826</b>	<b>12.037</b>	
1	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn từ TL6 đến nhà tiền Hiền thôn Tân Phong	2021	1.047	733	314	
2	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn từ TL8 đến nghĩa địa thôn Tân Sơn (cấp phối)	2021	1.200	840	360	
3	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn từ TL6 đến nghĩa địa thôn Tân Phong (cấp phối)	2021	646	452	194	
4	Đường GTNT trục thôn Văn Thạch xã Ninh Xuân, đoạn từ QL 26 đến giáp thôn Đại Cát	2021	354	248	106	
5	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn QL 26 đến lò Gạch ống phường thôn Phước Lâm	2021	531	372	159	
6	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, HT thôn đến nhà bà Hiệp thôn Phước Lâm	2021	635	445	190	
7	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn từ HT thôn đến nhà ông Quân Thôn Phước Lâm	2021	1.091	764	327	
8	Đường GTNT trục thôn Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Lang đến nhà ông gương thôn Tân Mỹ	2021	496	347	149	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
9	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn từ QL26 đến nhà ông Vương Phước Lâm	2021	1.058	741	317	
10	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn KDC chợ thôn Phước Lâm	2021	1.764	1.235	529	
1	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Thiện đến TL6 thôn Tân Mỹ	2021	659		659	
2	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Hùng đến nhà ông Nguyễn Tâm thôn Tân Mỹ	2021	524		524	
3	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Cảnh đến nhà ông Thanh Trinh thôn Tân Mỹ	2021	151		151	
4	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ QL26 đến nhà ông Lợi thôn Tân Mỹ	2021	576		576	
5	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ TL 6 đến đất ông Chánh thôn Tân Phong ( Cấp phối)	2021	550		550	
6	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà bà Nhỏ đến nhà ông Đỗ Văn Tư thôn N.Mỹ ( Cấp phối)	2021	465		465	
7	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ QL26 (Hương) đến nhà Võ Sang thôn Văn Thạch	2021	296		296	
8	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ QL26 (Vân) đến nhà ông Tiệp thôn Phước Lâm	2021	755		755	
9	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Nguyễn Sự đến nhà ông Lộc thôn Tân Mỹ	2021	536		536	
10	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Ngô Đắc Tâm đến nhà bà Ánh thôn Tân Mỹ	2021	239		239	
11	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Lại đến nhà ông Khắc thôn Ngũ Mỹ ( Cấp phối)	2021	151		151	
12	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ TL8 (Cường) đến nhà ông Surong thôn Tân Sơn (Cấp phối)	2021	365		365	
13	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, Đường KDC trước nhà máy đường thôn Phước Lâm	2021	869		869	
14	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ trường tiểu học Tân Phong đến nhà ông Vinh (Cấp phối)	2021	838		838	
11	Đường GTNT xã Ninh Xuân, QL 26 nhà ông Song đến nhà ông Liêm thôn Phước Lâm	2021	511	358	153	
12	Đường GTNT xã Ninh Xuân, đoạn từ QL 26( Thượng) đến nhà ông Hùng Văn Thạch	2021	267	187	80	
13	Đường GTNT xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Ngô Anh Đông đến nhà ông Vang Ngũ Mỹ	2021	375	263	112	
14	Đường GTNT xã Ninh Xuân, đoạn từ QL 26( Triệu) đến chùa cao đài thôn Văn Thạch	2021	330	231	99	
1	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ QL26 đến đất ông Luân Tân Mỹ	2021	1.100	770	330	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
2	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ TL6 đến nhà ông Ngọc thôn Tân Phong	2021	611	428	183	
3	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ TL 6 đến đất ông Nguyễn Văn Lập thôn Tân Phong	2021	507	355	152	
4	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Tiến đến đất ông Tâm thôn Tân Mỹ	2021	509	356	153	
5	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ trụ sở thôn đến nương Nhánh 3 Ngũ Mỹ	2021	432	302	130	
6	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ TL8 đến nhà bà Tuyết thôn Tân Sơn	2021	513	359	154	
7	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ TL 8 đến đất ông Nhất thôn Tân Sơn	2021	831	582	249	
8	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ cống 0 0 đến nương Suối Trâu thôn Ngũ Mỹ	2021	1.025	718	307	
9	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ TL6 nhà 10 Gai đến Suối Trâu thôn Tân Mỹ	2021	721	505	216	
10	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Cư đến cống N5	2021	335	235	100	
c	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>2.000</b>	<b>600</b>	<b>1.400</b>	
1	Trung tâm vui chơi văn hóa - thể thao xã (Hàng mục công trường rào, san lấp mặt bằng, sân cầu lông, sân cầu lông, sân bóng đá, khu vệ sinh)	2021	2.000	600	1.400	
18	<b>Các dự phương khác</b>		<b>1.980</b>	<b>1.054</b>	<b>450</b>	
1	Hỗ trợ phát triển làng nghề truyền thống chế tác đồ mỹ nghệ Tàì xã Ninh Hòa: Lắp đặt hệ thống đường dây điện	2023	700	490	210	
2	Hỗ trợ phát triển làng nghề trồng hoa cúc thị xã Ninh Hòa: Xây dựng hệ thống kênh mương dẫn nước phục vụ sản xuất	2024	800	560	240	
III	<b>THÀNH PHỐ NHA TRANG</b>		<b>92.049</b>		<b>92.009</b>	
1	<b>Xã Vinh Hiệp</b>		<b>21.373</b>		<b>21.373</b>	
1	Nâng cấp đường các tuyến hẻm thôn Vinh Diễm Thượng	2021	1.200		1.200	
1	Điện chiếu sáng công cộng xã Vinh Hiệp	2023	1.200		1.200	
1	Nâng cấp, mở rộng cầu Ké xã Vinh Hiệp	2023	5.490		5.490	
2	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước thôn Vinh Châu, xã Vinh Hiệp	2023	1.400		1.400	
3	Hệ thống thoát nước đường Gò Găng, xã Vinh Hiệp	2023	2.600		2.600	
4	Hệ thống thoát nước từ nhà ông Lê Văn Lương đến nhà ông Thành, thôn Vinh Diễm Trung	2023	1.300		1.300	
5	Khắc phục ngập úng khu dân cư số 4 thôn Vinh Diễm Trung, xã Vinh Hiệp	2023	2.583		2.583	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
6	Hệ thống thoát nước bém 620 đường 23/10, xã Vĩnh Hiệp	2023	1.200		1.200	
2	Nâng cấp đường khu C thôn Vĩnh Diễm Thượng, xã Vĩnh Hiệp	2023	1.200		1.200	
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa và Thể thao xã Vĩnh Hiệp	2023	1.200		1.200	
3	Nâng cấp các tuyến bém tổ 12, 13 thôn Vĩnh Diễm Thượng, xã Vĩnh Hiệp	2023	1.200		1.200	
1	Nâng cấp sân, tường rào nhà văn hóa thôn Vĩnh Diễm Trung, xã Vĩnh Hiệp	2023	800		800	
2	<b>Xã Vĩnh Trung</b>		<b>21.824</b>		<b>21.824</b>	
1	Trường TH Vĩnh Trung - Hạng mục: XDM 8 phòng học, nhà đa năng	2021	4.850		4.850	
2	Trường TH Vĩnh Trung, thôn Võ Cang, xã Vĩnh Trung	2021	1.174		1.174	
1	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế Vĩnh Trung	2021	1.200		1.200	
1	Nâng cấp các tuyến bém thôn Võ Cảnh, xã Vĩnh Trung	2021	1.200		1.200	
1	Hệ thống thoát nước bém 1320 đường 23/10, xã Vĩnh Trung	2021	1.000		1.000	
1	Nâng cấp đường từ nhà ông Hiệp đến nhà ông Quang, xã Vĩnh Trung	2022	1.400		1.400	
2	Nâng cấp các tuyến bém thôn Võ Đông, xã Vĩnh Trung	2022	1.200		1.200	
1	Kè chống sạt lở cầu bờ trần thôn Xuân Sơn, xã Vĩnh Trung	2022	1.200		1.200	
2	Gia cố mái taluy mương thoát nước thôn Võ Cang, xã Vĩnh Trung	2023	1.200		1.200	
2	Nâng cấp đường Diên An - Võ Đông, xã Vĩnh Trung	2023	1.200		1.200	
3	Nâng cấp các tuyến bém thôn Đồng Nhơn, xã Vĩnh Trung	2023	1.200		1.200	
4	Nâng cấp đường từ nhà ông Thương đến nhà ông Nhân, xã Vĩnh Trung	2023	1.200		1.200	
3	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước từ nhà ông Lê Hai đến đường 23/10	2024	1.400		1.400	
1	Nâng cấp sân, lắp đặt thiết bị thể dục thể thao nhà văn hóa thôn Võ Đông, xã Vĩnh Trung	2024	800		800	
5	Nâng cấp đường và gia cố mái taluy đường từ nhà ông Thọ đến nhà bà Đền, xã Vĩnh Trung	2024	800		800	
6	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước cụm bém thôn Đồng Nhơn, xã Vĩnh Trung	2024	800		800	
3	<b>Xã Vĩnh Thạnh</b>		<b>23.449</b>		<b>23.449</b>	
1	Nhà văn hóa thôn Phú Trung 1	2021	500		500	
1	Trường MN Vĩnh Thạnh (điểm trung tâm xã) – Hạng mục: Sửa chữa khối lớp học, nhà vệ sinh	2021	1.114		1.114	
1	Mở rộng phạm vi tường cánh cửa cửa xả thoát nước ra sông Quán Trường (khu vực giáp ranh nhà ông Lê Phước Thông tổ 1 thôn Phú Trung)	2021	1.200		1.200	



Số	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Cải tạo, sửa chữa chợ Ga xã Vĩnh Thạnh	2021	1.200		1.200	
1	Hệ thống thoát nước tổ 7 thôn Phú Thạnh 3, xã Vĩnh Thạnh	2021	1.075		1.075	
2	Hệ thống thoát nước kênh sông Đính, xã Vĩnh Thạnh	2021	1.200		1.200	
3	Hệ thống thoát nước từ nhà ông Nguyễn Thành Tâm đến nhà bà Phạm Thị Hương	2021	1.200		1.200	
4	Hệ thống thoát nước đoạn từ bến 699 đến cây xăng đầu 26 đường Lương Định Của	2021	1.250		1.250	
2	Cải tạo sửa chữa Nhà văn hóa thôn Phú Thạnh 1, xã Vĩnh Thạnh	2022	800		800	
1	Nâng cấp, cải tạo hội trường UBND xã Vĩnh Thạnh	2022	1.280		1.280	
2	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm văn hóa thể thao xã Vĩnh Thạnh	2022	1.080		1.080	
2	Kè chống sạt lở hạ lưu Sông Tháo	2023	1.250		1.250	
3	Gia cố mái taluy và nương thoát nước phía hạ lưu tràn bê tông Miếu Thần Hoàng, thôn Phú Vinh 2, xã Vĩnh Thạnh	2023	800		800	
5	Lắp bê tông và hệ thống thoát nước kênh 900 đường 23/10, xã Vĩnh Thạnh	2023	1.500		1.500	
6	Lắp bê tông và hệ thống thoát nước cụm kênh Nguyễn Công Khanh, xã Vĩnh Thạnh	2023	1.700		1.700	
7	Cải tạo, sửa chữa và nạo vét hệ thống thoát nước tổ 8, 9 thôn Phú Thạnh, xã Vĩnh Thạnh	2023	1.150		1.150	
8	Hệ thống thoát nước tổ 3, thôn Phú Trung 2, Vĩnh Thạnh	2023	2.950		2.950	
9	Hệ thống thoát nước khu vực kênh Phú Tấn - Phú Thịnh, thôn Phú Thạnh 2, xã Vĩnh Thạnh	2023	2.200		2.200	
4	<b>Xã Vĩnh Phương</b>		<b>25.363</b>		<b>25.363</b>	
1	Trường MN Vĩnh Phương 1 – hạng mục: Sửa chữa phòng học, nhà vệ sinh, cổng trường rào, sân trường, mái che	2021	1.080		1.080	
2	Trường MN Vĩnh Phương 2 (điểm chính) – hạng mục: Nâng cấp sân trường	2021	1.010		1.010	
3	Trường TH Vĩnh Phương 1 – hạng mục: Sửa chữa phòng học, phòng hành chính, mái khố phòng đội	2021	1.200		1.200	
4	Trường THCS Nguyễn Công Trứ – hạng mục: Nâng cấp sân trường	2021	1.115		1.115	
1	Duy tu, sửa chữa đường Hòn Sừng thôn Như Xuân, xã Vĩnh Phương	2021	1.000		1.000	
2	Duy tu sửa chữa đường bờ sông thôn Trung, xã Vĩnh Phương	2021	1.200		1.200	
3	Duy tu sửa chữa đường thôn Tây (đoạn còn lại), xã Vĩnh Phương	2021	1.200		1.200	
1	Sửa chữa tường rào, hội trường nhà văn hóa thôn Như Xuân 1	2021	800		800	
2	Sửa chữa tường rào, hội trường nhà văn hóa thôn Đắc Lộ 1	2021	800		800	
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Vĩnh Phương	2021	900		900	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Nâng cấp đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn bờ tràn Bầu Đục) và hệ thống thoát nước (đoạn từ Bưu điện đến đường thôn Trung)	2022	2.590		2.590	
2	Duy tu sửa chữa đường Xuân Phong	2023	1.000		1.000	
1	Gia cố bờ suối Dù Dì đoạn qua Trường Nguyễn Công Trứ, xã Vĩnh Phương	2023	1.250		1.250	
3	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Vĩnh Thành, xã Vĩnh Phương	2023	900		900	
4	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Đặc Lợi 2, xã Vĩnh Phương	2023	900		900	
1	Gia cố chống xói lở đáy mương bờ suối đường Kháng Chiến	2023	1.150		1.150	
4	Nâng cấp các tuyến hẻm thôn Đặc Lợi 1, xã Vĩnh Phương	2023	1.144		1.144	
2	Kè chống sạt lở khu vực thượng và hạ lưu cầu Bầu Sa	2024	3.000		3.000	
3	Sửa chữa tràn cống Chiếm Đới 5	2024	1.230		1.230	
2	Sửa chữa kênh Bờ Cây Khét và nâng cấp Vùng mã Đới 3	2024	750		750	
3	Sửa chữa kênh tưới Cải tạo	2024	1.144		1.144	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN DIỄN KHÁNH</b>		<b>509.624</b>	<b>104.596</b>	<b>405.028</b>	
	Huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới		456.800	78.260	378.540	
1	Nâng cấp đường qua UBND xã Diễn Sơn (Đoạn: Tỉnh lộ 8 – Ngã 4 nhà Vương - Cầu Đồng Lợi)	2023	52.800	36.960	15.840	
2	Hệ thống kênh tưới nội đồng vùng ruộng Tráng Găng	2023	12.000	8.400	3.600	
3	Nâng cấp kênh tưới B14	2023	15.000	10.500	4.500	
4	Nâng cấp, sửa chữa trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện	2023	10.000	7.000	3.000	
5	Nâng cấp, sửa chữa sân khấu tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà	2023	2.000	1.400	600	
6	Xây mới nhà thi đấu đa năng	2023	20.000	14.000	6.000	
7	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt	2023	345.000		345.000	
1	Xã Diễn Đồng		4.617	1.050	3.567	
<i>a</i>	Cơ sở vật chất văn hóa		4.617	1.050	3.567	
1	Trung tâm văn hóa khu thể thao xã	2022	3.500	1.050	2.450	
1	Nhà văn hóa & khu thể thao thôn Đồng Trần 3	2022	1.117		1.117	
2	Xã Diễn Phước		9.993	6.888	3.105	
<i>a</i>	Giao thông		5.251	3.676	1.575	
1	Đường trục thôn Phước Tuy 1	2022	1.200	840	360	
2	Đường Thành Hồ 8	2022	551	386	165	
3	Đường trục thôn An Định ( Tỉnh lộ 2 - ĐH18)	2022	1.200	840	360	
4	Đường trục thôn Phước Tuy 2	2022	1.100	770	330	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
5	Đường Tỉnh lộ 2 - Cống Cây Đa (Diên Hòa)	2022	1.200	840	360	
<b>b</b>	<b>Thủy lợi</b>		<b>4.472</b>	<b>3.131</b>	<b>1.341</b>	
1	KCH kênh ruộng Đia - Suối Sầu	2022	1.247	873	374	
2	KCH kênh Ba Sào mẫu sáu	2022	1.225	858	367	
3	KCH kênh mương vùng ruộng 1 vụ Đồng Xa	2022	1.350	945	405	
4	KCH kênh Bao Sào - Mương Còi - Lỗ Găng - Đất Sét	2022	650	455	195	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>270</b>	<b>81</b>	<b>189</b>	
1	Lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời	2022	270	81	189	
<b>3</b>	<b>Xã Diên Lạc</b>		<b>6.814</b>	<b>3.929</b>	<b>2.885</b>	
<b>a</b>	<b>Giao thông</b>		<b>4.814</b>	<b>3.369</b>	<b>1.445</b>	
1	Đường trục thôn Thanh Minh 1	2022	770	539	231	
2	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 2 (tổ 7, 8, 9)	2022	1.219	853	366	
3	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 3 (tổ 19, 20)	2022	930	651	279	
4	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 3 (tổ 22)	2022	1.190	833	357	
5	Đường Bến Đò trục thôn Trường Lạc	2022	704	493	211	
<b>b</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>200</b>		<b>200</b>	
1	Lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời thôn Trường Lạc	2022	200		200	
<b>c</b>	<b>Hạ tầng hợp tác xã</b>		<b>1.000</b>	<b>560</b>	<b>440</b>	
1	Xây dựng kho, xưởng chế biến HTXNN Diên Lạc	2022	1.000	560	440	
<b>4</b>	<b>Xã Diên Xuân</b>		<b>7.798</b>	<b>1.679</b>	<b>6.119</b>	
<b>a</b>	<b>CSVC Văn Hóa</b>		<b>3.726</b>		<b>3.726</b>	
1	Nhà Văn hóa khu thể thao thôn Xuân Đông	2023	1.242		1.242	
2	Nhà Văn hóa khu thể thao thôn Xuân Tây	2023	1.242		1.242	
3	Nhà Văn hóa khu thể thao thôn Xuân Nam	2023	1.242		1.242	
<b>b</b>	<b>Thủy lợi</b>		<b>1.200</b>	<b>840</b>	<b>360</b>	
1	Kênh mương Xuân Trung - Xuân Đông	2023	1.200	840	360	
<b>c</b>	<b>Giao thông</b>		<b>1.199</b>	<b>839</b>	<b>360</b>	
1	Đường đất bà Nga - Ông Trầm Nhon - đất nhà thờ (Xuân Nam)	2023	1.199	839	360	
<b>d</b>	<b>Nghĩa trang xã</b>		<b>1.069</b>		<b>1.069</b>	
1	Mở rộng nghĩa trang thôn Xuân Trung	2023	1.069		1.069	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		<b>604</b>		<b>604</b>	
1	Công trình bãi rác thôn Xuân Trung	2023	604		604	
<b>5</b>	<b>Xã Diên Phú</b>		<b>7.172</b>	<b>4.111</b>	<b>3.061</b>	
<b>a</b>	<b>Giao thông</b>		<b>1.088</b>	<b>762</b>	<b>326</b>	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Đường nội đồng giáp khu Công nghiệp	2023	1.088	762	326	
<b>b</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>4.784</b>	<b>3.349</b>	<b>1.435</b>	
1	Duy tu kênh bà Tiệp	2023	1.230	861	369	
2	Duy tu kênh Gò Mít	2023	1.094	766	328	
3	Duy tu kênh Tộc Hồ	2023	1.230	861	369	
4	Xây mới trạm bơm Gò Mít	2023	1.230	861	369	
<b>c</b>	<b>CSVC Văn Hóa</b>		<b>800</b>		<b>800</b>	
1	Lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời	2023	800		800	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
1	Lắp bảng tên đường	2023	500		500	
<b>6</b>	<b>Xã Diên Sơn</b>		<b>3.150</b>	<b>1.365</b>	<b>1.785</b>	
<b>a</b>	<b>CSVC Văn Hóa</b>		<b>1.200</b>		<b>1.200</b>	
1	Nâng mặt bằng, xây dựng mới Nhà VH thôn Nam 1	2023	1.200		1.200	
<b>b</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>1.950</b>	<b>1.365</b>	<b>585</b>	
1	KCH kênh tưới Đồng Lãng	2023	750	525	225	
2	Xây dựng mương rút khu dân cư thôn Tây 2 - Tây 4	2023	1.200	840	360	
<b>7</b>	<b>Xã Diên Thọ</b>		<b>1.850</b>	<b>1.295</b>	<b>555</b>	
<b>a</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>1.850</b>	<b>1.295</b>	<b>555</b>	
1	KCH kênh Suối Lũy thôn Phước Lương	2024	950	665	285	
2	KCH kênh tưới Bà Thất thôn Lễ Thạnh	2024	900	630	270	
<b>8</b>	<b>Xã Diên Hòa</b>		<b>3.950</b>	<b>1.382</b>	<b>2.568</b>	
<b>a</b>	<b>CSVC Văn Hóa</b>		<b>500</b>	<b>150</b>	<b>350</b>	
1	Trang bị dụng cụ tập luyện ngoài trời cho Trung tâm Thể thao xã	2024	500	150	350	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>2.450</b>	<b>840</b>	<b>1.610</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Bình Khánh – cầu Cây đa	2024	1.200	840	360	
1	Nâng cấp mở rộng đường Xóm Suối	2024	1.250		1.250	
	Môi trường		300		300	
1	Trang bị cơ sở vật chất thực hiện mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn	2024	300		300	
<b>d</b>	<b>Tổ chức sản xuất</b>		<b>700</b>	<b>392</b>	<b>308</b>	
1	Xây dựng nhà kho HTX Diên Hòa	2024	700	392	308	
<b>9</b>	<b>Các địa phương khác</b>		<b>8.280</b>	<b>4.637</b>	<b>3.643</b>	
1	Xây dựng nhà kho HTX NN Diên Điền 1	2022	730	409	321	
2	Xây dựng nhà kho HTX NN Diên Điền 2	2022	550	308	242	
3	Xây dựng nhà kho HTX NN Suối Hiệp 2	2022	1.000	560	440	
4	Xây dựng nhà kho HTX Suối Hiệp 1	2023	1.000	560	440	



Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
5	Xây dựng xưởng chế biến HTX Suối Hiệp 1	2023	1.000	560	440	
6	Xưởng sơ chế, máy sấy lúa HTX Suối Hiệp 2	2023	2.000	1.120	880	
7	Nhà Máy sấy HTX NN Suối Tiên	2023	1.000	560	440	
8	Xây dựng Lò Sấy HTX Suối Hiệp 1	2024	1.000	560	440	
<b>V</b>	<b>THÀNH PHỐ CAM RANH</b>		<b>58.104</b>	<b>20.936</b>	<b>37.168</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Cam Phước Đông</b>		<b>19.500</b>	<b>7.980</b>	<b>11.520</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
<b>1</b>	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022	500		500	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>10.300</b>	<b>4.410</b>	<b>5.890</b>	
<b>1</b>	Đường ngõ xóm tổ 2 (2 nhánh), thôn Trà Sơn	2022	850		850	
<b>2</b>	Đường ngõ xóm Lê Nhánh - Nguyễn Hiệp (2 nhánh), thôn Trà Sơn	2022	550		550	
<b>3</b>	Đường ngõ xóm ông Reo, thôn Tân Hiệp	2022	350		350	
<b>4</b>	Đường ngõ xóm ông Nghị, thôn Hoà An	2022	700		700	
<b>5</b>	Đường ngõ xóm ông Hiền - ông Nghị, thôn Hoà An	2022	550		550	
<b>6</b>	Đường ngõ xóm ông Quán - ông Điều, thôn Hoà Bình	2022	500		500	
<b>7</b>	Đường ngõ xóm ông Đầu (kênh tá suối Hành), thôn Suối Môn	2022	500		500	
<b>1</b>	Đường nội đồng Bà Thơm thôn Thống Nhất	2024	3.800	2.660	1.140	
<b>2</b>	Đường nội đồng Văn Sơn, thôn Hoà An	2024	1.000	700	300	
<b>1</b>	Sửa chữa, tu bổ một số tuyến đường giao thông xuống cấp	2025	1.500	1.050	450	
<b>c</b>	<b>Thuỷ lợi và PCTT</b>		<b>4.300</b>	<b>3.010</b>	<b>1.290</b>	
<b>1</b>	Mương đồng Nhà Xứ	2023	1.200	840	360	
<b>2</b>	Mương liên cư Khu A	2023	400	280	120	
<b>3</b>	Mương Hoàng Đạo	2023	1.800	1.260	540	
<b>4</b>	Mương Giáo Xứ Phú Phong đến Nhà ông Thiên Hòa An	2023	900	630	270	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hoá</b>		<b>2.400</b>		<b>2.400</b>	
<b>1</b>	Nhà văn hoá thôn Hoà An	2023	1.200		1.200	
<b>2</b>	Nhà văn hoá thôn Thống Nhất	2024	1.200		1.200	
<b>đ</b>	<b>Nghĩa trang</b>		<b>1.000</b>		<b>1.000</b>	
<b>1</b>	Nghĩa trang xóm Suối Hai, thôn Giải phóng	2024	1.000		1.000	
<b>e</b>	<b>Hỗ trợ hạ tầng HTX</b>		<b>1.000</b>	<b>560</b>	<b>440</b>	
<b>1</b>	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng Hợp tác xã nuôi dê CPĐ (nhà xưởng, kho)	2025	1.000	560	440	
<b>2</b>	<b>Xã Cam Thịnh Tây</b>		<b>14.700</b>	<b>2.900</b>	<b>11.800</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
<b>1</b>	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022	500		500	
<b>b</b>	<b>Thuỷ lợi và PCTT</b>		<b>1.200</b>	<b>840</b>	<b>360</b>	
<b>1</b>	Kè chống sạt lở đường tuyến số 2 thôn Thịnh Sơn	2025	1.200	840	360	
<b>c</b>	<b>Nghĩa trang</b>		<b>5.000</b>		<b>5.000</b>	
<b>1</b>	Xây dựng nghĩa trang xã	2025	5.000		5.000	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hoá</b>		<b>7.000</b>	<b>1.500</b>	<b>5.500</b>	
<b>1</b>	Sửa chữa lại nhà cộng đồng 4 thôn	2025	2.000		2.000	
<b>1</b>	Nhà thể thao đa năng	2025	5.000	1.500	3.500	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
<b>d</b>	<b>Hạ tầng hợp tác xã</b>		1.000	560	440	
1	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho Hợp tác xã chăn nuôi CTT (nhà xường, kho)	2025	1.000	560	440	
<b>3</b>	<b>Xã Cam Thịnh Đông</b>		10.404	2.946	7.458	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		500		500	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022	500		500	
<b>b</b>	<b>Thuỷ lợi và PCTT</b>		3.200	2.240	960	
1	Nâng cấp, sửa chữa kênh Đồng Cây	2025	1.200	840	360	
2	Nâng cấp, sửa chữa kênh Ruộng Bầu Mỹ Thanh	2025	2.000	1.400	600	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hoá</b>		5.196		5.196	
1	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Hoà Diêm. Hạng mục: Xây móng đá và san lấp	2025	600		600	
2	Xây dựng mới Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Hoà Diêm. Hạng mục: Xây dựng mới Nhà sinh hoạt văn hoá	2025	1.000		1.000	
3	Nâng cấp và xây dựng tường rào Nhà văn hóa thôn Hiệp Mỹ	2025	596		596	
4	Lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời điểm công cộng	2025	3.000		3.000	
<b>d</b>	<b>Thông tin và truyền thông</b>		208	146	62	
1	Lắp đặt mạng Wifi miễn phí ở các điểm công cộng	2025	208	146	62	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		300		300	
1	Thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn	2025	300		300	
<b>e</b>	<b>Hạ tầng hợp tác xã</b>		1.000	560	440	
1	Hỗ trợ đầu tư nhà làm việc cho Hợp tác xã dịch vụ sản xuất lúa CTĐ	2025	1.000	560	440	
<b>4</b>	<b>Xã Cam Bình</b>		6.500	3.260	3.240	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		500		500	
1	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư	2025	500		500	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		3.000	2.100	900	
1	Nâng cấp cầu cũ thôn Bình Hưng	2025	1.500	1.050	450	
2	Nâng cấp cầu cũ thôn Bình Ba Tây	2025	1.500	1.050	450	
<b>c</b>	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>		2.000	600	1.400	
1	Xây dựng chợ thôn Bình Hưng	2025	2.000	600	1.400	
<b>d</b>	<b>Hạ tầng HTX</b>		1.000	560	440	
1	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho Hợp tác xã nuôi tôm hùm Cam Bình	2025	1.000	560	440	
<b>5</b>	<b>Xã Cam Lập</b>		7.000	3.850	3.150	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		500		500	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022	500		500	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		3.600	2.520	1.080	
1	Làm mới Đường giao thông nội đồng từ Công làng văn hóa thôn Bình lập, qua đất bà Trần Thị Ánh Tuyết, bà Ngô thị Hoa, đến đất bà Nguyễn Thị Rạ	2023	3.600	2.520	1.080	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		800		800	
1	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	800		800	
<b>d</b>	<b>Hạ tầng thông tin và truyền thông</b>		1.100	770	330	
1	Thay mới hệ thống đài truyền thanh xã	2023	1.100	770	330	
<b>d</b>	<b>Hạ tầng hợp tác xã</b>		1.000	560	440	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho Hợp tác xã nuôi tôm hùm Cam Lập	2025	1.000	560	440	
<b>VI</b>	<b>HUYỆN KHÁNH VINH</b>		<b>84.705</b>	<b>37.812</b>	<b>46.893</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Sông Cầu</b>		<b>9.600</b>	<b>5.180</b>	<b>4.420</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>6.600</b>	<b>4.340</b>	<b>2.260</b>	
1	Nâng cấp Bê tông hóa đường từ nhà ông Trần Thới đến đường bê tông	2025	400		400	
1	Sửa chữa đường từ tỉnh lộ 2 vào TTBTXH huyện	2025	700	490	210	
1	Nâng cấp đường từ TTBTXH ra sông, giai đoạn 3	2023	600	420	180	
2	Nâng cấp Bê tông hóa đường vào khu sản xuất cây dúi (từ TL 2 đến đất bà Mùi)	2025	600	420	180	
3	Nâng cấp Bê tông hóa đường nội đồng (từ đất ông Thạch đến đất ông Kiều Xuân Tân)	2025	900	630	270	
4	Nâng cấp Bê tông hóa đường từ HL 62 đến đất ông Trần Văn Dân	2023	600	420	180	
5	Nâng cấp Bê tông hóa đường từ trại yên ông Huỳnh Ngọc Minh đến đất ông Tuyên	2023	600	420	180	
6	Nâng cấp Bê tông hóa đường nội đồng từ Công ty Diệp Châu đến đất bà Mười	2023	600	420	180	
7	Nâng cấp đường từ đất ông Minh ra sông	2023	600	420	180	
8	Nâng cấp đường vào khu sản xuất cụm Công nghiệp Sông Cầu, giai đoạn 2	2023	1.000	700	300	
<b>c</b>	<b>Hạ tầng khu sản xuất nông nghiệp</b>		<b>1.200</b>	<b>840</b>	<b>360</b>	
1	Nâng cấp hợp thủy hồ điều tra	2023	1.200	840	360	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.200</b>		<b>1.200</b>	
1	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Đông	2024	400		400	
2	Sửa chữa 02 nhà văn hóa thôn Tây Nam	2024	800		800	
<b>2</b>	<b>Xã Khánh Đông</b>		<b>1.900</b>		<b>1.900</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Môi trường</b>		<b>300</b>		<b>300</b>	
1	Xây dựng hố rác xã Khánh Đông	2024	300		300	
<b>c</b>	<b>Nghĩa trang xã</b>		<b>1.000</b>		<b>1.000</b>	
1	Nghĩa trang thôn Suối Thơm; Hạng mục: Xây dựng công, tường rào và nâng cấp đường nội bộ bê tông xi măng	2024	1.000		1.000	
<b>3</b>	<b>Xã Khánh Bình</b>		<b>7.400</b>	<b>1.560</b>	<b>5.840</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>2.400</b>	<b>360</b>	<b>2.040</b>	
1	Khu thể thao xã Khánh Bình	2024	1.200	360	840	



Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Xây mới nhà văn hóa và khu thể thao thôn Ba Dùi	2025	1.200		1.200	
c	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		4.000	1.200	2.800	
1	Nâng cấp chợ Khánh Bình	2024	4.000	1.200	2.800	
d	Nghĩa trang		400		400	
1	Xây dựng nghĩa trang thôn Ba Dùi	2023	400		400	
4	Xã Khánh Phú		19.980	12.250	7.730	
a	Quy hoạch		600		600	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
b	Giao thông		17.500	12.250	5.250	
1	Bê tông hóa đường từ đất ông Hoàng đến đất ông Cao Xi Giang	2023	1.000	700	300	
2	Bê tông hóa đường Cao Đàm đi Thác Ngựa	2023	1.000	700	300	
3	Bê tông hóa đường từ đất ông Phạm Thái đến đất ông Tà Khôn	2023	1.000	700	300	
1	Bê tông hóa đường nội đồng giai đoạn 2	2023	1.000	700	300	
4	Bê tông hóa đường từ đất ông Kiều Văn đến Hương lộ 62	2023	1.000	700	300	
5	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Xuân Nhị đến đất bà Bo Thị Tích	2023	1.000	700	300	
6	Bê tông hóa đường Cao Bình đi Là Nĩa	2024	1.000	700	300	
7	Bê tông hóa đường từ ông Ty Địa đến ông Cao Dũng	2024	1.000	700	300	
8	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Nam đến đất ông Phúc	2024	1.000	700	300	
9	Bê tông hóa đường Mầu Hương đi Trạm Hòn Bà	2024	500	350	150	
10	Bê tông hóa đường ông Chua đi ông Thanh- nối tiếp tuyến cao Ly đi lên đồi	2024	1.000	700	300	
11	Bê tông hóa đường Nhà văn hóa Giang Mương đi Cao Lượng	2025	1.000	700	300	
12	Bê tông hóa đường Ông Đức đi ông Tiến-kiến nghị của các hộ ST - ông Trường	2025	1.000	700	300	
13	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Dũng đến đất ông Chúc-nghĩa địa Nước nhĩ	2025	1.000	700	300	
14	Bê tông hóa đường từ đất ông Tuấn đi Antim	2025	1.000	700	300	
15	Bê tông hóa đường ông Chính đi ông Sơn	2025	1.000	700	300	
16	Bê tông hóa đường từ đất ông Minh đến đất ông Trung-gần đá bàn	2025	1.000	700	300	
17	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Duy Truyền đến đất ông Cao Nghiệp	2025	1.000	700	300	
c	Cơ sở vật chất văn hóa		500		500	
1	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Ngã Hai	2023	500		500	

ca



Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		750		750	
1	Đầu tư xe chuyên dụng thu gom rác	2025	750		750	
<b>đ</b>	<b>Nghĩa trang xã</b>		630		630	
1	Sửa chữa nghĩa trang xã Khánh Phú	2025	630		630	
<b>5</b>	<b>Xã Khánh Nam</b>		1.400	150	1.250	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		600		600	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		800	150	650	
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hoá 02 thôn	2024	300		300	
1	Xây dựng sân thể thao xã	2024	500	150	350	
<b>6</b>	<b>Xã Khánh Thượng</b>		8.540	3.868	4.972	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		600		600	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		4.540	3.178	1.362	
1	Từ khu vực tháo Hòn đi vào khu sản xuất	2023	1.150	805	345	
1	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Đa Mảnh đến dốc Gia Vu	2023	1.190	833	357	
2	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Quỳnh vào khu sản xuất Gia Bí	2025	1.100	770	330	
3	Bê tông xi măng đường vào nghĩa địa thôn Tả Gộc	2025	1.100	770	330	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		2.300	690	1.610	
1	Khu văn hóa trung tâm xã	2024	1.200	360	840	
2	Khu thể thao trung tâm xã	2024	1.100	330	770	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		300		300	
1	Xây dựng hồ rác xã Khánh Thượng	2023	300		300	
<b>đ</b>	<b>Nghĩa trang xã</b>		1.100		1.100	
1	Nâng cấp, chỉnh trang nghĩa trang xã Khánh Thượng	2025	1.100		1.100	
<b>7</b>	<b>Xã Khánh Hiệp</b>		9.700	5.070	4.630	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		600		600	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		6.600	4.620	1.980	
1	Tuyến từ điểm giữa C12 đất ông (Cao Văn Năng) đến điểm giữa C7 đất ông (Cao Thái Bình)	2023	1.200	840	360	
2	Tuyến C14 từ K25 đến đất ông Cao Văn Thái	2023	1.200	840	360	

Sst	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
3	Tuyến H18 từ nhà cộng đồng xóm Y Bào đến đất Y Soán K Nai	2024	1.000	700	300	
4	Tuyến H 21 từ điểm giữa T6 đất Trần Thị Khoa đến khu sản xuất	2024	1.200	840	360	
5	Tuyến B13 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	
6	Tuyến B14 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.500</b>	<b>450</b>	<b>1.050</b>	
1	Xây nhà văn hóa đa năng phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao xã	2024	1.000	300	700	
2	Xây sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao xã	2025	500	150	350	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
1	Xây dựng hồ xử lý rác thải	2025	500		500	
<b>d</b>	<b>Nghĩa trang</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
1	Mở rộng nghĩa trang xã (giai đoạn 2)	2025	500		500	
<b>8</b>	<b>Xã Khánh Trung</b>		<b>2.250</b>		<b>2.250</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.350</b>		<b>1.350</b>	
1	Xây dựng tường rào sân vận động thôn Bắc Sông Giang	2024	500		500	
2	Nâng cấp nhà cộng đồng thôn Bắc Sông Giang	2024	250		250	
3	Đầu tư trang thiết bị hội trường 3 thôn	2024	600		600	
<b>c</b>	<b>Môi trường</b>		<b>300</b>		<b>300</b>	
1	Xây dựng hồ rác xã Khánh Trung	2024	300		300	
<b>9</b>	<b>Xã Khánh Thành</b>		<b>4.524</b>	<b>1.123</b>	<b>3.401</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>900</b>	<b>630</b>	<b>270</b>	
1	Đường sản xuất thôn Giồng Cạo (Đoạn đường từ đất rẫy ông Hải đến đất rẫy ông Cao Lãnh)	2023	900	630	270	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.643</b>	<b>493</b>	<b>1.150</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa và khu thể thao xã Khánh Thành	2024	830	249	581	
2	Xây dựng sân vận động xã Khánh Thành	2024	813	244	569	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
1	Xây dựng hồ rác xã Khánh Thành	2025	500		500	
	<b>Nghĩa trang xã</b>		<b>881</b>		<b>881</b>	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Mở rộng, chỉnh trang nghĩa trang xã Khánh Thành	2023	881		881	
10	<b>Xã Giang Ly</b>		2.300	420	1.880	
a	<b>Quy hoạch</b>		600		600	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
b	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		1.400	420	980	
1	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học xã Giang Ly cũ thành trung tâm văn hóa thể thao xã	2024	1.400	420	980	
c	<b>Môi trường</b>		300		300	
1	Xây dựng hồ rác xã Giang ly	2025	300		300	
11	<b>Xã Liên Sang</b>		12.711	8.191	4.520	
a	<b>Quy hoạch</b>		600		600	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
b	<b>Giao thông</b>		11.530	8.071	3.459	
1	Đường vào khu sản xuất từ đất ống Cao Sơ đến đất ống Pi Năng Huy	2023	1.000	700	300	
2	Đường vào khu sản xuất Suối Nhỏ	2023	2.200	1.540	660	
1	Đường nội đồng từ đất rẫy ống Mã Khánh đến đất rẫy ống Cao Lem	2024	2.000	1.400	600	
2	Đường nội đồng từ đất rẫy ống Cao Gia Minh đến đất rẫy ống Đàm Ngọc Thường	2024	1.130	791	339	
3	Đường vào khu Sản xuất Suối Vàng	2024	1.200	840	360	
4	Đường vào khu Sản xuất Chà Leng	2025	4.000	2.800	1.200	
c	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>		400	120	280	
1	Nâng cấp sửa chữa chợ xã Liên Sang	2024	400	120	280	
d	<b>Nghĩa trang xã</b>		181		181	
1	Nâng cấp sửa chữa nghĩa trang xã Liên Sang	2025	181		181	
12	<b>Xã Sơn Thái</b>		600		600	
a	<b>Quy hoạch</b>		600		600	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
13	<b>Xã Cầu Bà</b>		3.500		3.500	
a	<b>Quy hoạch</b>		600		600	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
b	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		600		600	
1	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đá Trắng	2025	300		300	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đá Bàn	2025	300		300	
c	Môi trường		2.300		2.300	
1	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu dân cư Đá Bàn (giai đoạn 2)	2023	1.150		1.150	
2	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu dân cư Đá Tráng (giai đoạn 2)	2025	1.150		1.150	
VII	<b>HUYỆN KHÁNH SƠN</b>		18.800	8.000	10.800	
1	<b>Xã Thành Sơn</b>		7.400	1.500	5.900	
a	Quy hoạch		400		400	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		7.000	1.500	5.500	
1	Xây dựng Trung tâm Văn Hóa - Thể thao xã Thành Sơn	2023	5.000	1.500	3.500	
1	Xây mới Nhà Cộng đồng thôn Apa 1 xã Ti.ành Sơn	2023	2.000		2.000	
2	<b>Xã Sơn Lâm</b>		400		400	
a	Quy hoạch		400		400	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
3	<b>Xã Sơn Bình</b>		400		400	
a	Quy hoạch		400		400	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
4	<b>Xã Sơn Hiệp</b>		2.900		2.900	
a	Quy hoạch		400		400	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		2.500		2.500	
1	Nâng cấp sửa chữa nhà dài thôn Hòn Dung xã Sơn Hiệp	2023	1.000		1.000	
2	Nâng cấp nhà dài thôn Tà Gụ xã Sơn Hiệp	2023	1.500		1.500	
5	<b>Xã Sơn Trung</b>		3.400	3.000	400	
a	Quy hoạch		400		400	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
b	Trường học		3.000	3.000		
1	Trường Mầm non Hoàng Oanh xã Sơn Trung	2025	3.000	3.000		
6	<b>Xã Ba Cùm Bắc</b>		400		400	
a	Quy hoạch		400		400	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
7	<b>Xã Ba Cùm Nam</b>		3.900	3.500	400	
a	Quy hoạch		400		400	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
b	Trường học		3.500	3.500		
1	Trường Mầm non Hoa Phượng xã Ba Cùm Nam	2024	3.500	3.500		



PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỐ TRÍ CHO CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 68 /NQ-HĐND ngày 23 / 9 /2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>388.378</b>	<b>337.720</b>	<b>50.658</b>	<b>37.950</b>	<b>12.708</b>	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			29.738	25.859	3.879	2.715	1.164	
1	Phân bổ cho các sở, ban, ngành								
2	Phân bổ cho các địa phương			29.738	25.859	3.879	2.715	1.164	
2.1	Hỗ trợ đất ở			504	440	64	45	19	
	- Huyện Cam Lâm		2022-2025	269	233	36	25	11	
	- Thành phố Cam Ranh		2022-2025	122	108	14	10	4	
	- Huyện Diên Khánh		2022-2025	113	99	14	10	4	
2.2	Hỗ trợ nhà ở			16.946	14.735	2.211	1.547	664	
	- Huyện Khánh Vĩnh		2022-2025	3.984	3.464	520	364	156	
	- Huyện Khánh Sơn		2022-2025	8.950	7.789	1.161	810	351	
	- Huyện Cam Lâm		2022-2025	929	808	121	85	36	
	- Huyện Diên Khánh		2022-2025	132	108	24	19	5	
	- Thị xã Ninh Hòa		2022-2025	639	556	83	58	25	
	- Thành phố Cam Ranh		2022-2025	2.312	2.010	302	211	91	
2.3	Hỗ trợ đất sản xuất			3.775	3.281	494	346	148	
	- Huyện Khánh Vĩnh		2022-2025	2.880	2.504	376	263	113	
	- Huyện Cam Lâm		2022-2025	215	187	28	20	8	
	- Huyện Diên Khánh		2022-2025	52	45	7	5	2	
	- Thị xã Ninh Hòa		2022-2025	488	424	64	45	19	
	- Thành phố Cam Ranh		2022-2025	140	121	19	13	6	
2.4	Hỗ trợ nước sinh hoạt			8.513	7.403	1.110	777	333	
2.4.1	Huyện Khánh Vĩnh			3.869	3.365	504	353	151	
	- Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang	Xã Khánh Trung	2022-2025	3.869	3.365	504	353	151	
2.4.2	Huyện Khánh Sơn			2.322	2.019	303	212	91	
	- Đầu tư nối mạng nước sinh hoạt khép kín các khu dân cư	Xã Sơn Bình	2022	2.322	2.019	303	212	91	
2.4.3	Huyện Cam Lâm			774	673	101	71	30	
	- Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Sơn Tân	Xã Sơn Tân	2022-2025	774	673	101	71	30	
2.4.4	Thành phố Cam Ranh			1.548	1.346	202	141	61	

CS

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
-	Công trình nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Suối Rua, xã Cam Thịnh Tây vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý	Xã Cam Thịnh Tây	2022-2025	1.548	1.346	202	141	61	
II	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS			267.964	233.012	34.952	25.178	9.774	
1	Phân bổ cho các sở, ban, ngành			18.121	15.758	2.363	2.363		
	Xây mới Trạm y tế xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2023	3.775	3.283	492	492		
	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã		2023-2025	14.346	12.475	1.871	1.871		
2	Phân bổ cho các địa phương			249.843	217.254	32.589	22.815	9.774	
2.1	Huyện Khánh Vĩnh			127.907	111.224	16.683	11.680	5.003	
2.1.1	Đầu tư đường đến trung tâm xã								
	Đường Trung tâm xã đoạn từ UBND xã đến Khu tái định cư thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2023	1.970	1.970				
2.1.2	Xây dựng chợ Liên Sang	Xã Liên Sang	2023-2024	4.154	4.154				
2.1.3	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK								
1	Đường rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đông, điểm từ tràn đến rẫy ông Hà Choang	Xã Giang Ly	2022	2.000	2.000				
2	Đường vào khu sản xuất từ đầu cầu Gia Lố đến rẫy ông Hà Vương, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000				
3	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Văn đến rẫy ông Đinh Xuân Hương	Thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000				
4	Đường sản xuất thôn Tà Mơ 1 (Đoạn Tà Mơ 2 giáp đường Khánh Thành đi thị trấn)	Xã Khánh Thành	2022	1.000	1.000				
5	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Văn Nuôi đến đất ông Cao Văn Hương	Xã Khánh Trung	2022	1.050	1.050				
6	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối A Pan	Xã Cầu Bà	2022	1.000	1.000				
7	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối Asay	Xã Cầu Bà	2022	1.000	1.000				
8	Đường vào khu sản xuất Suối Gop, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2022	2.000	2.000				
9	Tiếp tuyến đường từ bãi rác vào khu sản xuất kho cối	Xã Khánh Thượng	2022	1.100	1.100				
10	Tuyến đường từ nhà ông Hà Bón đến nhà ông Cao Nghem, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2022	1.000	1.000				
11	Tuyến đường từ ngã 3 đất ông Vũ Quang Minh vào khu sản xuất (độc gù) đến đất bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2022	2.000	2.000				
12	Tuyến B2 tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Căng (B2), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2022	1.000	1.000				
13	Đường từ ông Xi Ngân đi Xi Gia thôn Nước Nhĩ, xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2022	1.000	1.000				
14	Bê tông hóa đường Cao Chua đi ông Chính	Xã Khánh Phú	2022	1.000	1.000				
15	Đường vào khu sản xuất Bến Khê từ nhà ông Mang Mẩn đến rẫy ông Nguyễn Ngọc Phan, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2022	1.200	1.200				
16	Đường vào khu sản xuất Bến Lê từ rẫy ông Nguyễn Đình Hiếu đến rẫy ông Cao Văn Luyện, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2022	1.200	1.200				
17	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông từ nhà ông Việt đến nhà ông Tiên, tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 3, TT Khánh Vĩnh	2022	820	820				
18	Sửa chữa, nâng cấp đường từ rẫy ông Huỳnh đi khu sản xuất, tổ 5, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 5, TT Khánh Vĩnh	2022	1.120	1.120				

*Cam*

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
19	Đường vào khu sản xuất Suối Gia Lố từ hộ ông Mười đến hộ ông Duy	Xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000				
20	Đường khu dân cư Giồng Cạo thôn Tà Mơ, xã Khánh Thành	Xã Khánh Thành	2022	1.000	1.000				
21	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Hà Thương đến hộ ông Cao Ri Sơn	Xã Sơn Thái	2022-2023	1.000	1.000				
22	Đường từ nhà ông Tạch Văn Du đến đất bà Vũ Thị Miên, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2023	1.200	1.200				
23	Đường từ suối Lau đi Chà Là, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2023	1.200	1.200				
24	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Gôi đến rẫy Bà Ca Thị Nương	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000				
25	Đường vào khu sản xuất từ cầu treo đến rẫy ông Hà Thủy, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000				
26	Nối tuyến đường vào khu sản xuất Gia Ngoc, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2023	2.000	2.000				
27	Đường từ công trình suối Dầu vào khu sản xuất suối Dầu, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2023	1.000	1.000				
28	Đường từ công trình qua nhà Ka Tơ Búi đến khu nhà ông Pi Năng Diệu	Xã Khánh Thượng	2023	1.000	1.000				
29	Đường vào khu sản xuất từ cầu treo thôn 6 đi xã Khánh Trung, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2023	2.000	2.000				
30	Tuyến C5 từ đường đất ông Cao Ngọc Banh đến giáp Sông Chò (C5), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2023	1.000	1.000				
31	Nâng cấp và sửa chữa đường ông Bách đi trại Cá tầm	Xã Khánh Phú	2023	1.000	1.000				
32	Bê tông hóa đường Ly Tân đi Cao Là Miên	Xã Khánh Phú	2023	1.000	1.000				
33	Đường từ đất Cao Văn Đương đến đất Cao Văn Lộc, thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	Thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	2023	600	600				
34	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Trung đến hộ ông Hà Na, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2023	1.000	1.000				
35	Kè chống sạt lở từ hộ ông Hà Môn đến hộ ông Hà Vãng	Xã Sơn Thái	2023	1.000	1.000				
36	Dự án đường sản xuất suối Siếu (Đoạn từ rẫy ông Cao Khiêm tới rẫy ông Cao Xuân)	Xã Khánh Thành	2023	1.000	1.000				
37	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Biệt đến rẫy ông Hà Bước	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000				
38	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Ri đến rẫy ông Cha Kha	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000				
39	Đường vào khu sản xuất Gia Lê, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2023	2.000	2.000				
40	Tuyến H13 từ điểm giữa T4 (nhà ông H Trây Y Din) đến khu ruộng suối Nước Nóng (H13)	Xã Khánh Hiệp	2023	1.000	1.000				
41	Bê tông hóa đường Cao Hiệp đi Cao Là Niên	Xã Khánh Phú	2023	1.000	1.000				
42	Đường vào khu sản xuất Ba Dùi từ TL 8 nhà bà Lê Thị Phương Dung đến ruộng ông Lý Văn Cãi	Xã Khánh Bình	2023	1.200	1.200				
43	Đường KSX thôn Bến Khé từ Nghĩa trang Bến Khé đến rẫy ông Nguyễn Quốc Dũng	Xã Khánh Bình	2023	1.200	1.200				
44	Đường vào KSX thôn Ba Dùi từ ngã ba rẫy ông Cao Sơn Dục đến rẫy ông Y Bloan	Xã Khánh Bình	2023	1.200	1.200				
45	Nâng cấp, sửa chữa đường từ đất ông Bùi Quang Khanh đến đất bà Phạm Thị Hòa, thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	Thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	2023	600	600				
46	Nối tiếp rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đồng, điểm từ rẫy ông Hà Choang đến thác Đá Tây.	Xã Giang Ly	2024	2.000	2.000				
47	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Nhơn đến hộ ông Hà Na	Xã Sơn Thái	2024	1.000	1.000				
48	Kè chống sạt lở từ hộ ông Đà Lân đến hộ bà Cà Ứng	Xã Sơn Thái	2024	1.000	1.000				
49	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Nguyễn Đình Hùng đi Chà Là, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2024	1.200	1.200				
50	Đường từ rẫy ông Cao Là Hiến đến giáp đường Mè Tây, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2024	1.000	1.000				
51	Nâng cấp sửa chữa đường vào khu sản xuất sau trạm báo vệ rừng, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2024	1.000	1.000				



S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
52	Đường vào khu sản xuất suối a say, thôn Đá Trắng, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2024	1.000	1.000				
53	Nối tuyến đường Suối Cua, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2024	2.000	2.000				
54	Đường từ rẫy ông Pi Năng Đa Vít vào khu sản xuất suối Đa Trang, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2024	1.000	1.000				
55	Đường từ đường BTXM thác Hòm vào khu sản xuất suối Lai	Xã Khánh Thượng	2024	1.000	1.000				
56	Đường từ đất ông Lê Thảo đến đất ông Nguyễn Phi Long, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2024	2.000	2.000				
57	Tuyến B1 Tuyến đường từ điểm ngã tư Cầu treo Hòn Lay (T5) đến TL8B (nhà ông Y Trung) thôn Ba Càng (B1), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2024	2.000	2.000				
58	Bê tông hóa đường Cao Dừng đi Suối Lau	Xã Khánh Phú	2024	1.000	1.000				
59	Bê tông hóa đường Cao Linh đi C19	Xã Khánh Phú	2024	1.000	1.000				
60	Xây dựng đường KSX Ba Dúi từ rẫy ông Cao Mà Lú đến rẫy ông Cao Văn Ngân	Xã Khánh Bình	2024	1.050	1.050				
61	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến rẫy ông Y Niết	Xã Khánh Bình	2024	1.200	1.200				
62	Sửa chữa, nâng cấp đường từ nhà ông Cường đi khu sản xuất, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh	2024-2025	600	600				
63	Trường Tiểu học Khánh Hiệp 1 (Điểm chính). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Hiệp	2024	950	950				
64	Trường Tiểu học Khánh Hiệp 1 (Điểm Cà Thiệu). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Hiệp	2024	950	950				
65	Nối tiếp đường vào khu sản xuất Đá Tây, điểm đầu từ rẫy ông Hà Ba đến rẫy ông Hà Đa.	Xã Giang Ly	2025	2.000	2.000				
66	Đường vào khu sản xuất đồng Bến Lợi (từ hộ ông Hà Đầy đến hộ ông Cao Cà Ma)	Xã Sơn Thái	2025	823	823				
67	Kè chống sạt lở từ hộ ông Hà Choang đến hộ ông Trung	Xã Sơn Thái	2025	1.000	1.000				
68	Dự án đường vào khu đồng ruộng Ma Lý Thượng	Xã Khánh Thành	2025	943	943				
69	Đường sản xuất Ma Lý đi suối Đá, xã Khánh Thành	Xã Khánh Thành	2025	994	994				
70	Đường từ rẫy ông Cao Là Hiền đến giáp đường Mè Tây, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2025	1.000	1.000				
71	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Lương Văn Mên đến rẫy ông Cao Văn Gương	Xã Khánh Trung	2025	1.000	1.000				
72	Kè chống sạt lở từ nhà ông Hà Giáp đến nhà ông Hà Ri	Xã Cầu Bà	2025	1.200	1.200				
73	Đường vào khu sản xuất Đá Bàn từ rẫy ông Hà Lanh đến rẫy Hà Xuyên, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2025	1.090	1.090				
74	Nối tiếp tuyến đường A Quây Thủy vào đồng ruộng, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2025	1.000	1.000				
75	Đường từ đất ông Cao Xuân Dưa đến đất Nguyễn Đại Hà, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2025	1.500	1.500				
76	Nối tiếp tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Bích Phương vào khu sản xuất Sông Chò, xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2025	850	850				
77	Tuyến H16 Từ TL8B (đổi diện đất ông Tý) đến H8 (H16)	Xã Khánh Hiệp	2025	850	850				
78	Đường nối C19 đi Suối Cù thôn Ngã Hai, xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	880	880				
79	Bê tông hóa đường Cao Thiệp đi Cao Cà Địa	Xã Khánh Phú	2025	880	880				
80	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến nhà ông Cao Văn Phương	Xã Khánh Bình	2025	1.000	1.000				
81	Xây dựng đường từ rẫy ông Cao Văn Thanh đến rẫy ông Cao Sơn Dục, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2025	1.200	1.200				
82	Trường Tiểu học Khánh Trung (Điểm Bắc Sông Giang). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Trung	2025	950	950				



S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
83	Trường Mầm non Hoa Hồng (Điểm Tà Mơ). Hạng mục: Xây dựng cổng, tường rào, sân, san nền cục bộ	Xã Khánh Thành	2025	1.200	1.200				
84	Trường Mầm non Hoa Mai (Điểm Đa Râm). Hạng mục: Xây dựng cổng, tường rào, sân.	Xã Khánh Thượng	2025	950	950				
85	Nâng cấp đường vào khu sản xuất Đá Trắng, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2025	1.200	1.200				
86	Đường từ đất rẫy ông Hà Đa đến rẫy ông Cao Trung	Thôn Bàu Sang, xã Liên Sang	2025	1.100	1.100				
87	Nâng cấp, Sửa chữa Đường BTXM Suối Tre đến Hồ Thủy Lợi	Xã Liên Sang	2025	1.200	1.200				
88	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Mà Nghi đến rẫy ông Cao Cà Ma	Thôn Bó Lang, xã Sơn Thái	2025	1.100	1.100				
89	Tuyến H17 từ điểm giữa T6 (đất nhà ông Y Hanh) đến chân đồi Chí Tôn (H17), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2025	1.200	1.200				
90	Đường vào khu sản xuất suối Là Bó (từ đất rẫy ông A Chá đến đất ông Cao Ty), xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2025	1.200	1.200				
	<i>* Chưa phân bổ</i>			18.537	1.854	16.683	11.680	5.003	
2.2	Huyện Khánh Sơn			86.191	74.949	11.242	7.870	3.372	
2.2.1	Đầu tư đường liên xã								
	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Sơn Trung đi Ba Cùm Bắc	Sơn Trung- Ba Cùm Bắc	2023	2.570	2.570				
2.2.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK								
1	Đường BTXM thôn Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022	1.000	1.000				
2	Nối tiếp Đường BTXM từ nhà cộng đồng Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022	1.000	1.000				
3	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Hít, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Võ Tiên Hoàng đến nhà ông Tài)	Xã Sơn Lâm	2022	1.000	1.000				
4	Nâng cấp, mở rộng trục đường chính thôn Du Oai, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Tú đến nhà ông Cao Đình)	Xã Sơn Lâm	2022	1.000	1.000				
5	Sửa chữa phòng học trường mầm non Vành Khuyên	Xã Sơn Bình	2022	1.000	1.000				
6	Đường vào khu sản xuất từ rẫy Bà Tro Thị Hiền Đến rẫy bà Cao Thị Danh	Xã Sơn Bình	2022	1.000	1.000				
7	Nối tiếp đường BTXM đoạn từ rẫy ông Bình đến đất ông Nghịch	Xã Sơn Hiệp	2022	2.000	2.000				
8	Làm đường BTXM vào KSX nghĩa địa thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	2022	1.000	1.000				
9	Làm đường BTXM từ bãi rác đến rẫy ông Tùng thôn Ma O xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2022	1.000	1.000				
10	Nối tiếp đườn BTXM khu 21 hộ đến trần Ông Lũng	Thị trấn Tô Hạp	2022	800	800				
11	Đường BTXM từ Bia khảo cổ Dốc Gạo vào khu sản xuất, dân sinh	Thị trấn Tô Hạp	2022	1.200	1.200				
12	Nối tiếp từ suối Lò Ô đi khu sản xuất xóm 4 thôn Dốc Trầu	Xã Ba Cùm Bắc	2022	1.000	1.000				
13	Nối tiếp tuyến đường từ xóm 14 đi khu sản xuất thỏ A Thi, xã Ba Cùm Bắc			1.000	1.000				
14	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy ông Dũng Bút đến ngã ba thôn Hòn Găm	Xã Ba Cùm Nam	2022	1.000	1.000				
15	Kè chống sạt lở thôn Tà Giang 1	Xã Thành Sơn	2022-2023	2.000	2.000				
16	Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh, sân bóng đá mini có nhân tạo	Xã Thành Sơn	2023	3.000	3.000				
17	Nâng cấp, mở rộng bên phải và bên trái cầu Ko Róa mới vào KSX xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2023	2.000	2.000				

*Ca*

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
18	Nâng cấp đường từ thôn Xà Bối đi thôn Tà Gụ	Xã Sơn Hiệp	2023	2.000	2.000				
19	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2023	3.000	3.000				
20	Nối tiếp đường BTXM đi khu sản xuất Suối Hai, thôn Ka Tơ	Xã Ba Cùm Nam	2023	1.000	1.000				
21	Nối tiếp đường BTXM từ Suối Me đi khu sản xuất Suối Lau	Xã Ba Cùm Nam	2023	1.000	1.000				
22	Xây dựng tuyến đường từ tỉnh lộ 9 đi khu sản xuất thôn Tha Mang	Xã Ba Cùm Bắc	2023	1.000	1.000				
23	Xây dựng tuyến đường nối tiếp từ hồ nước nhà ông Bang đi khu sản xuất xóm 10 thôn Tha Mang	Xã Ba Cùm Bắc	2023	1.000	1.000				
24	Sân thể thao Nhà cộng đồng thôn A Thi, xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2023	2.000	2.000				
25	Nối tiếp đường BTXM vào khu sản xuất thôn Chi Chay xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2023	1.000	1.000				
26	Đường BTXM vào KSX nghĩa địa thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	2023	1.000	1.000				
27	Nối tiếp đường BTXM vào KSX TDP Hạp Cường	Thị trấn Tô Hạp	2023	1.500	1.500				
28	Đường BTXM đi KSX và dân sinh TDP Hạp Phú	Thị trấn Tô Hạp	2023	500	500				
29	Xây dựng nhà cộng đồng thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2023	1.600	1.600				
30	Kè chống sạt lở từ đất bà Mầu Thị Bày đến đất ông Cao Hồng Xuyên	Xã Sơn Bình	2023	1.000	1.000				
31	Nối tiếp đường BTXM đường vào đồng ruộng Xóm Cò đến Cầu Suối Sóc	Xã Sơn Bình	2023	1.000	1.000				
32	Đường BTXM từ nhà bà Cao Thị Khiển đi KSX thôn Tà Giang 1	Xã Thành Sơn	2024	2.000	2.000				
33	Nâng cấp đường BTXM từ ngã 3 thôn Ko Róa đi ra suối xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2024	2.000	2.000				
34	Đường từ rẫy ông Mai thôn Xà Bối đi thôn Hòn Dung, giai đoạn 2	Xã Sơn Hiệp	2024	2.000	2.000				
35	Nâng cấp tuyến đường từ nhà bà Cao Thị Yến đi khu sản xuất thôn A Thi	Xã Ba Cùm Bắc	2024	800	800				
36	Sân thể thao Nhà cộng đồng thôn Suối Đá, xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2024	2.000	2.000				
37	Đường BTXM vào khu sản xuất Suối Đầu bò GĐ1	Xã Ba Cùm Nam	2024	2.000	2.000				
38	Nhà Văn hóa xã Ba Cùm Nam	Xã Ba Cùm Nam	2024	2.400	2.400				
39	XD Nhà vệ sinh - khu thể thao thôn Suối Me	Xã Ba Cùm Nam	2024	1.200	1.200				
40	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Mầu Chuẩn (thôn Ma O) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2024	1.000	1.000				
41	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Cao Huy đến Cao Địa (thôn Ma O) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2024	1.000	1.000				
42	Nối tiếp đường BTXM đường vào đồng ruộng Xóm Cò đến khu sản xuất xóm 6	Xã Sơn Bình	2024	1.000	1.000				
43	Đường BTXM từ nhà VH thôn Xóm Cò đến nhà Cao Hùng	Xã Sơn Bình	2024	1.000	1.000				
44	Nâng cấp, cải tạo nhà cộng đồng thôn Tà Lương, thị trấn Tô hạp	Thị trấn Tô Hạp	2024	1.000	1.000				
45	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM vào khu 7 hộ thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô hạp	Thị trấn Tô Hạp	2024	2.000	2.000				
46	Đường BTXM từ nhà Ô Cao Trường B đi KSX thôn Apa 1, xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2025	1.000	1.000				
47	Nối tiếp đường BTXM thôn Tà Giang 2 đi KSX tập đoàn 7	Xã Thành Sơn	2025	1.000	1.000				
48	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Nit xã Sơn Lâm (Đoạn từ rẫy ông Xá vào khu sản xuất)	Xã Sơn Lâm	2025	2.000	2.000				
49	Đường BTXM thôn Liên Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2025	2.000	2.000				
50	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM xóm 8 thôn Ma O	Xã Sơn Trung	2025	1.000	1.000				

Cam



S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
51	Đường BTXM vào KSX KNó (Thôn Chi Chay) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2025	1.000	1.000				
52	Nối tiếp đường BTXM từ Suối Mo đi khu sản xuất Suối Lau	Xã Ba Cùm Nam	2025	2.000	2.000				
53	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Mầu Nhân đến đất Mầu Quốc Dân	Xã Sơn Bình	2025	1.000	379	621	621		
54	Đường BTXM từ nhà ông Huệ đi khu sản xuất thôn Cò lác	Xã Sơn Bình	2025	1.000		1.000	1.000		
55	Đường BTXM nối thôn và Lương với thôn Đốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2025	2.000		2.000	2.000		
	<i>*Chưa phân bổ</i>			9.421		9.421	6.049	3.372	
2.3	Huyện Cam Lâm			23.001	20.001	3.000	2.100	900	
2.3.1	Đường đến trung tâm xã								
	Đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã Sơn Tân (đoạn đường từ xã Cam Tân - Sơn Tân)	Xã Sơn Tân	2022-2023	9.212	9.212				
2.3.2	Nâng cấp chợ Tân Lập xã Cam Phước Tây	Xã Cam Phước Tây	2025	757	757				
2.3.3	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK								
1	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2022	1.000	1.000				
2	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn VaLy đến nhà máy nước	Xã Sơn Tân	2022-2023	1.000	1.000				
3	Công tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Lau 3	Thôn Suối Lau 3 xã Suối Cát	2022	300	300				
4	Công tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Văn Sơn	Thôn Văn Sơn xã Cam Phước Tây	2022-2023	300	300				
5	Sửa chữa đường vào khu sản xuất thôn Suối Lau 3	Thôn Suối Lau 3 xã Suối Cát	2023	600	600				
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn VaLy	Xã Sơn Tân	2023	1.500	1.500				
7	Nâng cấp đường từ Ngã ba vào đến Cầu thôn Văn Sơn	Thôn Văn Sơn xã Cam Phước Tây	2023	300	300				
8	Đường từ nhà bà Mầu Thị Cảnh đến nhà ông Cao Văn Hiếu	Thôn Văn Sơn xã Cam Phước Tây	2023	300	300				
9	Cải tạo, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2023	1.500	1.500				
10	Sửa chữa đường nội bộ khu dân cư thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2024	1.000	1.000				
11	Sửa chữa đường từ Trung tâm văn hoá xã đến nhà máy nước	Xã Sơn Tân	2024	1.000	1.000				
12	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc nối dài	Xã Sơn Tân	2024	1.000	1.000				
13	Sửa chữa đường từ nhà ông Cao Thanh Liễu đến nhà ông Cao Minh Quý	Thôn Suối Lau 3 xã Suối Cát	2024	600	232	368	368		
14	Đoạn đường từ nhà ông Bo Văn Tùng đến nhà ông Cao Văn Đầu	Thôn Văn Sơn xã Cam Phước Tây	2025	600		600	600		
15	Nâng cấp đường từ nhà máy nước đến khu sản xuất thôn VaLy nối dài	Xã Sơn Tân	2025	1.000		1.000	1.000		
16	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn VaLy đến nhà máy nước nối dài	Xã Sơn Tân	2025	1.000		1.000	132	868	
	<i>* Chưa phân bổ</i>							32	
2.4	Huyện Diên Khánh			2.832	2.462	370	260	110	
1	Đường vào khu sản xuất xã Diên Tân (đoạn tiếp giáp với khu sản ủa đồng ruộng đến hạ lưu hồ Láng Nhót.)	Thôn Đá Mài Xã Diên Tân	2022-2023	1.200	1.200				

*Ca*

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
2	Đường vào đồng ruộng thôn Lỗ Gia (giai đoạn 2)	Thôn Lỗ Gia Xã Suối Tiên	2023	300	300				
3	Lắp đặt ống cấp nước tưới cho vùng ruộng 4,3 ha thôn Đá Mài	Thôn Đá Mài Xã Diên Tân	2023	300	300				
4	Kênh mương tiêu đồng ruộng Lỗ Rông - đoạn 3	Thôn Lỗ Gia Xã Suối Tiên	2024	300	300				
5	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới đồng ruộng dân tộc (vùng ruộng ông Kinh, ông Tý)	Thôn Lỗ Gia Xã Suối Tiên	2024	300	300				
6	Nâng cấp sửa chữa đường thôn Lỗ Gia (đoạn từ cây đa đến nhà ông Cao Đàm)	Thôn Lỗ Gia Xã Suối Tiên	2025	432	62	370	260	110	
2.5	<b>Thị xã Ninh Hòa</b>			<b>9.155</b>	<b>7.961</b>	<b>1.194</b>	<b>835</b>	<b>359</b>	
2.5.1	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng thôn ĐBK</i>								
1	Đường BTXM đi từ nhà ông Hải đi Suối Tre thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Thôn Suối Mít Xã Ninh Tây	2.022	900	900				
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Ta Gân đến cuối đường nhà ông Bàn Đức Thăng thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	Thôn Sông Bung Xã Ninh Tây	2022	450	450				
3	Xây dựng công tường rào, sân, nhà vệ sinh, hệ thống nước nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	Thôn Buôn Sim Xã Ninh Tây	2022-2023	450	450				
4	Đường BTXM đi từ nhà ông Cao Đất đi Suối Chinh thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Thôn Suối Mít Xã Ninh Tây	2023	600	600				
5	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Thần đến nhà ông Cao Văn A thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	Thôn Sông Bung Xã Ninh Tây	2024	450	450				
6	Đường BTXM từ nhà ông Cao Thần đến Phan Đức Công	Thôn Sông Bung Xã Ninh Tây	2024	600	214	386	386		
7	Đường BTXM từ nhà bà Lương Thị Hồng Thắm đến nhà ông Nguyễn Dòn	Thôn Buôn Sim Xã Ninh Tây	2025	808		808	449	359	
2.5.2	<i>Đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ</i>								
1	Nâng cấp chợ thôn Trung 1	Xã Ninh Tân	2024	757	757				
2	Xây mới chợ thôn Suối Sâu	Xã Ninh Tân	2025	4.140	4.140				
2.6	<b>Thành phố Cam Ranh</b>			<b>757</b>	<b>657</b>	<b>100</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	
	Nâng cấp chợ xã Cam Phước Đông	Xã Cam Phước Đông	2023	757	657	100	70	30	
III	<b>Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh</b>			<b>40.791</b>	<b>35.471</b>	<b>5.320</b>	<b>5.320</b>		
1	<i>Trường phổ thông DTNT tỉnh</i>			<i>15.876</i>	<i>13.805</i>	<i>2.071</i>	<i>2.071</i>		
1.1	Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn Trường DTNT tỉnh								
1.2	Bổ sung, nâng cấp nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc								
1.3	Bổ sung, nâng cấp sửa chữa khu nội trú cho học sinh trường DTNT tỉnh								
1.4	Bổ sung phòng công vụ cho giáo viên Trường DTNT tỉnh								
1.5	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn + nhà bếp Trường DTNT tỉnh								
1.6	Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch Trường DTNT tỉnh								
1.7	Nâng cấp sửa chữa nhà kho Trường DTNT tỉnh								



S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1.8	Nâng cấp sửa chữa các công trình phụ trợ khác Trường DTNT tỉnh								
2	Trường phổ thông huyện Khánh Vĩnh			9.340	8.122	1.218	1.218		
2.1	Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn Trường PTDTNT Khánh Vĩnh								
2.2	Bổ sung phòng công vụ cho giáo viên Trường PTDTNT Khánh Vĩnh								
2.3	Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch Trường DTNT tỉnh								
3	Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Sơn			1.048	911	137	137		
	Bổ sung phòng ở nội trú Trường PTNTNT Khánh Sơn			1.048	911	137	137		
4	Trường PTDTNT thành phố Cam Ranh			14.527	12.633	1.894	1.894		
4.1	Bổ sung phòng bộ môn Trường PTDTNT Cam Ranh								
4.2	Nâng cấp khu nội trú Trường PTNTNT Cam Ranh								
4.3	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn + nhà bếp Trường PTDTNT Cam Ranh								
4.4	Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch Trường PTDTNT Cam Ranh								
4.5	Bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác Trường DTNT tỉnh								
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch			39.094	33.995	5.099	3.646	1.453	
	Phân bổ cho các sở, ngành (5%)			1.955	1.700	255	255		
	Phân bổ cho các địa phương			37.139	32.295	4.844	3.391	1.453	
1	Huyện Khánh Vĩnh			13.240	11.513	1.727	1.209	518	
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2025	4.618	4.015	603	422	181	
	- Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS		2023	476	414	62	43	19	
	- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;			4.073	3.542	531	372	159	
	- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Trìn huyện Khánh Vĩnh			4.073	3.542	531	372	159	
2	Huyện Khánh Sơn			12.560	10.922	1.638	1.147	491	
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2025	3.938	3.424	514	360	154	
	- Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS	Xã Sơn Hiệp	2023	476	414	62	43	19	
	- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;			4.073	3.542	531	372	159	
	- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Raglay huyện Khánh Sơn			4.073	3.542	531	372	159	
3	Huyện Cam Lâm			815	709	106	74	32	
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2022	815	709	106	74	32	
4	Huyện Diên Khánh			271	236	35	25	10	
2	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2022	271	236	35	25	10	
5	Thị xã Ninh Hòa			9.098	7.911	1.187	831	356	

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2025	952	827	125	87	38	
	- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số			4.073	3.542	531	372	159	
	- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Êđê thị xã Ninh Hòa			4.073	3.542	531	372	159	
6	<i>Thành phố Cam Ranh</i>			1.155	1.004	151	105	46	
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2025	679	590	89	62	27	
	- Xây dựng mô hình điểm du lịch cộng đồng trải nghiệm	Xã Cam Phước Đông	2024	476	414	62	43	19	
V	Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN			10.791	9.383	1.408	1.091	317	
1	Phân bổ cho các sở, ngành (2,5%)			2.698	2.346	352	352		
2	Phân bổ cho các địa phương			8.093	7.037	1.056	739	317	
	- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Xã khu vực III, thôn ĐBKK	2022-2025	8.093	7.037	1.056	739	317	



PHỤ LỤC 3

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
								Ngân sách tỉnh			Ngân sách TW hỗ trợ
<b>TỔNG CỘNG</b>									63.603		
I	Giáo dục và đào tạo								11.873		
a	Cấp tỉnh quản lý								7.988		
1	Sửa chữa, cải tạo khối nhà hành chính, nhà đa năng, tường rào - Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Số GDĐT	TT Vạn Giã, Vạn Ninh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2334/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.151	1.151		1.151	
2	Sửa chữa, cải tạo khối thực hành - Trường THPT Trần Bình Trọng	Số GDĐT	TT Cam Đức, Cam Lâm	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2332/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.151	1.151		1.151	
3	Sửa chữa, cải tạo khối nhà hành chính - Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Số GDĐT	xã Ninh Phụng, Ninh Hòa	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2339/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.143	1.143		1.143	
4	Sửa chữa, cải tạo khối nhà lớp học 10 phòng (02 tầng), khối nhà lớp học 08 phòng (02 tầng) - Trường THPT Nguyễn Thái Học	Số GDĐT	xã Diên Phước, Diên Khánh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2336/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.150	1.150		1.150	
5	Sửa chữa, cải tạo khối nhà lớp học 06 phòng (02 tầng); cải tạo, nâng cấp đoạn tường rào (khu nội trú học sinh) - Trường THPT Lạc Long Quân	Số GDĐT	TT Khánh Vĩnh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2337/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	563	563		563	
6	Cải tạo, nâng cấp công và tường rào - Trường THPT Phan Bội Châu	Số GDĐT	Phường Cam Lộc, Cam Ranh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2333/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	536	536		536	
7	Sửa chữa, cải tạo khối nhà lớp học và nhà hành chính (02 tầng) - Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Khánh Hòa	Số GDĐT	Nha Trang	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2335/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.142	1.142		1.142	
8	Sửa chữa, cải tạo khối nhà lớp học 14 phòng (02 tầng), khối nhà lớp học 10 phòng (02 tầng), khối nhà phòng học bộ môn (02 tầng) - Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Số GDĐT	Diên Khánh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2338/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.152	1.152		1.152	

*(Handwritten signature)*

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
								Ngân sách tỉnh			Ngân sách TVV hỗ trợ
<b>b</b>	<b>Hỗ trợ cấp huyện</b>								<b>3.885</b>		
1	Trường Tiểu học - THCS Bình Ba; Hạng mục: Cải tạo nhà công vụ (điểm Tiểu học)	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	xã Cam Bình	2022	41/NQ-HĐND ngày 01/9/2022	833/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	1.094	1.094		1.094	
2	Trường mầm non Cam Lập; Hạng mục: Cải tạo 02 phòng học và mái che.	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	xã Cam Lập	2022	40/NQ-HĐND ngày 01/9/2022	849/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	798	798		798	
3	Trường mầm non 2/4; Hạng mục: Nâng cấp công, sân trường và mái che.	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	Phường Cam Lộc	2022	39/NQ-HĐND ngày 01/9/2022	847/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	997	997		997	
4	Trường Mầm non Cam Phúc Nam; Hạng mục: Nâng cấp công tường rào	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	Phường Cam Phúc Nam	2022	38/NQ-HĐND ngày 01/9/2022	853/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	996	996		996	
<b>II</b>	<b>Y tế</b>								<b>14.885</b>		
1	Sửa chữa các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022	Sở Y tế	toàn tỉnh	2022	07/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	2377/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.885	14.885		14.885	
<b>III</b>	<b>Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế</b>								<b>14.853</b>		
1	Sửa chữa đường Đầm Môn ĐT.651, đoạn Km14+370 – Km17+900	BQL KKT Vía phòng	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2022-2023	15/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	151/QĐ-KKT ngày 31/8/2022	14.853	14.853		14.853	
<b>IV</b>	<b>Phát triển đô thị</b>								<b>14.994</b>		
<b>(I)</b>	<b>Thị xã Ninh Hòa</b>								<b>7.000</b>		
1	Đường BTXM khu dân cư Núi Một TDP Hậu Phước, phường Ninh Hà, đoạn 1 từ nhà ông Trần Sang đến nhà ông Dương Văn Xuân, đoạn 2 từ nhà ông Trần Ngọc Hòa đến giáp đường ra nghĩa địa	UBND phường Ninh Hà	Ninh Hà	2022	13/NQ-HĐND ngày 05/9/2022	555/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.049	1.000		1.000	
2	Đường BTXM TDP Mỹ Trạch, phường Ninh Hà, đoạn từ nhà ông Huỳnh Ân (giáp đường Lý Tự Trọng) đến nhà ông Lê Cận	UBND phường Ninh Hà	Ninh Hà	2022	19/NQ-HĐND ngày 05/9/2022	557/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.050	1.000		1.000	
3	Mương cống ông Sanh nối dài	UBND xã Ninh An	Ninh An	2022	18/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	647/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.053	1.000		1.000	
4	Đường Bình Sơn 6 (Mai-Si), đoạn từ TL1A đến mương thùy lợi	UBND xã Ninh Thọ	Ninh Thọ	2022	09/NQ-HĐND ngày 05/9/2022	441/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.039	1.000		1.000	



STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW hỗ trợ		
5	Đường Bình Sơn 3 (Đỉnh) đoạn từ Bình Sơn 2 đến đỉnh Bình Sơn	UBND xã Ninh Thọ	Ninh Thọ	2022	10/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	440/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.026	1.000		1.000	
6	Đường BTXM từ nhà ông Bờ đi đường sắt	UBND xã Ninh An	Ninh An	2022	17/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	646/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.058	1.000		1.000	
7	Nâng cấp mở rộng đường từ Quốc lộ 26 đến Đình Dục M9 giai đoạn 1.	UBND xã Minh Xuân	Ninh Xuân	2022	11/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	215/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.026	1.000		1.000	
(2)	<b>Thành phố Cam Ranh</b>									5.994	
1	Tuyến số 1 TDP Hòa Tiến (Điểm đầu ĐL Hùng Vương; Điểm cuối tỉnh xã Ngọc Mỹ), phường Cam Nghĩa	UBND phường Cam Nghĩa	phường Cam Nghĩa	2022	22/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	719/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	999	999		999	
2	Nâng cấp theo hiện trạng và hệ thống thu nước mưa đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Thị Minh Khai), TDP Lợi Phúc, phường Cam Lợi	UBND phường Cam Lợi	phường Cam Lợi	2022	122/NQ-HĐND ngày 08/9/2022	202/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.000	1.000		1.000	
3	Nâng cấp theo hiện trạng đường vào chợ Cam Lợi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tiên Giang), TDP Lợi Phú, phường Cam Lợi	UBND phường Cam Lợi	phường Cam Lợi	2022	121/NQ-HĐND ngày 08/9/2022	201/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.000	1.000		1.000	
4	Đường tổ dân phố Hòa Bình (điểm đầu: Đường Lê Thánh Tông; điểm cuối: nhà bà Đặng Thị Phận), phường Cam Nghĩa	UBND phường Cam Nghĩa	phường Cam Nghĩa	2022	20/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	720/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	998	998		998	
5	Đường tổ dân phố Hòa Phước (Tuyến số 2) (điểm đầu: đường Hà Huy Tập; điểm cuối: nhà bà Huỳnh Thị Nga), phường Cam Nghĩa	UBND phường Cam Nghĩa	phường Cam Nghĩa	2022	21/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	718/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	998	998		998	
6	Đường khu dân cư Hòa Do 2 (Tổ An ninh nhân dân số 3-4), phường Cam Phúc Bắc	UBND phường Cam Phúc Bắc	phường Cam Phúc Bắc	2022	69/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	286/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	999	999		999	
(3)	<b>Huyện Diên Khánh</b>									2.000	
1	Đường kết hợp thoát nước đường Tổ 27, thôn Trường Lạc	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	16/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	125/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.070	1.000		1.000	
2	Đường kết hợp thoát nước đường Tổ 19, thôn Thanh Minh 3	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	15/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	128/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.013	1.000		1.000	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
								Ngân sách tỉnh			Ngân sách TW hỗ trợ
V	Công nghiệp (mạng lưới điện đô thị, nông thôn)								6.998		
(1)	Huyện Diên Khánh								3.000		
1	Điện chiếu sáng đường Tô 10, thôn Thanh Minh 2	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	12/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	127/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.061	1.000		1.000	
2	Điện chiếu sáng đường Tô 19, thôn Thanh Minh 3	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	13/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	129/NQ-HĐND ngày 14/9/2022	1.061	1.000		1.000	
3	Điện chiếu sáng đường Tô 33, thôn Trường Lạc	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	14/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	126/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.063	1.000		1.000	
(2)	Thị xã Ninh Hòa								2.000		
1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường từ ngã tư Mỹ Trạch - Mỹ Thuận đến công trạm máy kéo cũ, từ nhà ông Nguyễn Mạo đến nhà ông Nguyễn Xèo	UBND phường Ninh Hà	Ninh Hà	2022	20/NQ-HĐND ngày 05/9/2022	556/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.050	1.000		1.000	
2	Điện chiếu sáng từ công làng văn hóa (QL26) đến đình Văn Thạch	UBND xã Ninh Xuân	Ninh Xuân	2022	24/NQ-HĐND ngày 06/7/2022	214/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.009	1.000		1.000	
(3)	Huyện Vạn Ninh								1.998		
1	Hệ thống điện chiếu sáng đường thôn Trung Dông 2 (đoạn từ ngã 3 đường Bình Trung 2 đến công thôn Trung Dông 2)	UBND xã Vạn Bình	xã Vạn Bình	2022	38/NQ-HĐND ngày 12/9/2022	42/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	999	999		999	
2	Hệ thống điện chiếu sáng Đường thôn Vinh Huệ từ nhà ông Võ Hoàng Thạnh đến nhà ông Lê Văn Hòa	UBND xã Vạn Phú	xã Vạn Phú	2022	09/NQ-HĐND ngày 12/9/2022	199/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	999	999		999	